BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:4225 /QĐ-BNNMT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình ứng phó và hành động trước, trong và sau thời gian xảy ra thiên tai đối với công tác nước sạch nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11/9/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình ứng phó và hành động trước, trong và sau thời gian xảy ra thiên tai đối với công tác nước sạch nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố; Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng, Cục

trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục

Quy trình ứng phó và hành động trước, trong và sau thời gian xảy ra thiên tai đối với công tác nước sạch nông thôn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày /11/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT 4
I. MỞ ĐẦU 5
1. Sự cần thiết 5
2. Mục tiêu 5
3. Cơ sở pháp lý 5
II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG 5
1. Phạm vi áp dụng 6
2. Đối tượng áp dụng 6
III. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI ĐỐI VỚI CẤP NƯỚC 6
1. Các loại hình thiên tai 6
2. Phân vùng nguy cơ 6
3. Xác định các yếu tố ảnh hưởng 7
3.1. Nguồn nước 7
3.2. Công trình 7
3.3. Đối tượng sử dụng nước 8
4. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai 9
IV. HỆ THỐNG THEO DÕI - CẢNH BÁO - ĐÁNH GIÁ - KÍCH HOẠT 9
1. Theo dõi 9
1.1. Diễn biến thiên tai và thời tiết, khí tượng thủy văn 9
1.2. Nguồn nước 10
1.3. Công trình cấp nước tập trung và cấp nước HGĐ 10
1.4. Dịch vụ cấp nước cho người dân 10
2. Cảnh báo 11
3. Đánh giá nhanh 11
4. Kích hoạt ứng phó 12
4.1. Các chỉ tiêu 13
4.2. Nguyên tắc xác định mức độ kích hoạt 13
5. Tổ chức thực hiện 14

V. CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ TRƯỚC THIÊN TAI.....27
1. Cấp Trung ương.....27
1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường.....27
1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.....27
2. Cấp địa phương.....27
2.1. Cấp tỉnh.....27
2.2. Cấp xã.....27
VI. ỨNG PHÓ TRONG THỜI GIAN THIÊN TAI.....29
1. Cấp Trung ương.....29
1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường.....29
1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.....29
2. Cấp địa phương.....29
2.1. Cấp tỉnh.....29
2.2. Cấp xã.....30
3. Thông tin, báo cáo và điều chỉnh biện pháp ứng phó.....32
VII. ỨNG PHÓ TRONG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP.....32
1. Cấp Trung ương.....32
1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường.....32
1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.....32
2. Cấp địa phương.....33
2.1. Cấp tỉnh.....33
2.2. Cấp xã.....33
VIII. PHỤC HỒI VÀ KHẮC PHỤC SAU THIÊN TAI.....35
1. Cấp Trung ương.....35
1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường.....35
1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.....35
2. Cấp địa phương.....35
2.1. Cấp tỉnh.....35
2.2. Cấp xã.....36
3. Đánh giá sau thiên tai, cập nhật dữ liệu và tăng cường khả năng chống chịu.....38
IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....38
1. Tổ chức thực hiện.....38
2. Cơ chế phối hợp và truyền tải thông tin các cấp.....38
3. Nguyên tắc nâng cấp độ ứng phó và kết thúc ứng phó.....39
PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO NHANH VỀ TÌNH HÌNH THIẾU NƯỚC SINH HOẠT DO

THIÊN TAI 41
PHỤ LỤC 2: ĐÁNH GIÁ NHANH ẢNH HƯỞNG THIÊN TAI ĐẾN CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN 42
PHỤ LỤC 3: DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ VÀ NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN 44

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu long
BĐKH	Biến đổi khí hậu
Bộ NN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
KTTV	Khí tượng thủy văn
NBD	Nước biển dâng
PCTT	Phòng chống thiên tai
UBND	Uỷ ban nhân dân
RRTT	Rủi ro thiên tai
CNTT	Cấp nước tập trung
TBNN	Trung bình nhiều năm
HGĐ	Hộ gia đình
BT	Bình thường
TD	Theo dõi
CB	Cảnh báo
KH	Kích hoạt

I. MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Hiện nay, công tác phòng, chống thiên tai đã có các văn bản hướng dẫn và phương án tổ chức thực hiện, tuy nhiên chưa có quy trình thống nhất, cụ thể đối với lĩnh vực cấp nước sinh hoạt nông thôn. Trong khi đó, thiên tai có thể gây hư hỏng công trình, ô nhiễm hoặc suy giảm nguồn nước, gián đoạn cấp nước và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sức khỏe người dân.

Thực tế tại một số địa phương, việc chuẩn bị, tổ chức ứng phó, phối hợp, thông tin báo cáo và khắc phục hậu quả còn chưa đồng bộ; trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị chưa được xác định rõ. Vì vậy, việc xây dựng Quy trình ứng phó với thiên tai đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn là cần thiết nhằm thống nhất trình tự thực hiện trước, trong và sau thiên tai; xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp; nâng cao năng lực chủ động ứng phó, giảm thiểu thiệt hại và bảo đảm duy trì, khôi phục kịp thời việc cung cấp nước sinh hoạt an toàn cho người dân.

Việc áp dụng thống nhất Quy trình sẽ góp phần bảo đảm an ninh, an toàn cấp nước sinh hoạt nông thôn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và nâng cao khả năng chống chịu, phục hồi của hệ thống cấp nước trước thiên tai.

2. Mục tiêu

Xây dựng một quy trình thống nhất để hỗ trợ các địa phương, các đơn vị liên quan chủ động phòng ngừa, theo dõi, cảnh báo, đánh giá tác động, kích hoạt và tổ chức ứng phó trước, trong và sau thiên tai nhằm bảo đảm cấp nước sinh hoạt nông thôn như: Phát hiện sớm các nguy cơ ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt; chủ động ứng phó; giảm thiểu gián đoạn cấp nước, bảo vệ công trình và khôi phục nhanh hoạt động cấp nước; nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý và đơn vị cấp nước.

3. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11/9/2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;
- Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;
- Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;
- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 9/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;
- Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi áp dụng

Quy trình áp dụng đối với hoạt động cấp nước sạch tại khu vực nông thôn, bao gồm: Công trình cấp nước tập trung nông thôn; công trình cấp nước HGĐ; khu dân cư và các hộ dân nông thôn bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn và phòng, chống thiên tai;
- UBND cấp tỉnh, cấp xã;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã;
- Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch nông thôn;
- Đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước;
- Cộng đồng dân cư và HGĐ nông thôn;
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

III. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI ĐỐI VỚI CẤP NƯỚC

1. Các loại hình thiên tai

Đối với cấp nước sạch nông thôn, quy trình tập trung vào các loại hình có tác động trực tiếp đến cấp nước sạch nông thôn gồm: (1) Hạn hán; (2) Xâm nhập mặn; (3) Lũ, ngập lụt; (4) Lũ quét, sạt lở đất.

Bảng 1: Vùng thiên tai và các loại hình thiên tai phổ biến đối với nước sinh hoạt nông thôn

TT	*Vùng*	*Các loại hình thiên tai phổ biến*
1	Vùng trung du và miền núi phía Bắc	Hạn hán; lũ quét, sạt lở đất; lũ, ngập lụt.
2	Vùng đồng bằng sông Hồng	Hạn hán; lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn.
3	Vùng Bắc Trung Bộ	Lũ, ngập lụt; lũ quét, sạt lở đất; hạn hán, xâm nhập mặn.
4	Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Lũ, ngập lụt; lũ quét, sạt lở đất; hạn hán, xâm nhập mặn.
5	Vùng Đông Nam Bộ	Lũ, ngập lụt; hạn hán; xâm nhập mặn.
6	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Hạn hán; xâm nhập mặn; lũ, ngập lụt.

2. Phân vùng nguy cơ

Việc xác định khu vực có nguy cơ cao được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, phân tích các yếu tố có khả năng làm gia tăng nguy cơ thiếu nước, gián đoạn hoặc suy giảm khả năng cấp nước khi xảy ra thiên tai, bao gồm: đặc điểm địa hình; đặc điểm, khả năng khai thác và tính ổn định của nguồn nước; điều kiện khí hậu, thủy văn; lịch sử xảy ra, tần suất và mức độ ảnh hưởng của các loại hình thiên tai; mức độ phụ thuộc của người dân vào các nguồn nước nhỏ lẻ, phân tán hoặc dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai; quy mô dân cư và số hộ có nguy cơ bị ảnh hưởng; năng lực dự trữ, tích trữ và duy trì cấp nước trong thời gian xảy ra thiên tai; khả năng kết nối, điều chuyển, hỗ trợ cấp nước giữa các công trình, hệ thống cấp nước và khu vực lân cận.

Khu vực được xác định là có nguy cơ cao khi có một hoặc nhiều yếu tố bất lợi nêu trên ở mức đáng kể, có khả năng làm gia tăng nguy cơ thiếu nước, suy giảm chất lượng nguồn nước hoặc gián đoạn cấp nước khi xảy ra thiên tai. Cần đặc biệt lưu ý các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai khác có khả năng trực tiếp làm suy giảm nguồn nước, gây hư hỏng công trình, đường ống, thiết bị hoặc làm gián đoạn hoạt động cấp nước.

Việc đánh giá phải xem xét đồng thời cả hệ thống cấp nước tập trung và các nguồn cấp nước HGĐ; trong đó ưu tiên xác định các khu vực có dân cư phân tán, phụ thuộc nhiều vào nguồn nước nhỏ lẻ, khả năng dự trữ nước hạn chế, khó tiếp cận nguồn nước thay thế hoặc ít có khả năng được hỗ trợ, điều chuyển nước từ các công trình, hệ thống cấp nước khác khi xảy ra thiên tai, sự cố.

Kết quả xác định khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng được thể hiện bằng việc khoanh vùng theo địa bàn hành chính, bao gồm phạm vi phục vụ của công trình cấp nước tập trung và khu vực sử dụng nguồn cấp nước HGĐ; đồng thời xác định rõ loại hình thiên tai có nguy cơ tác động, đối tượng và quy mô dân cư có khả năng bị ảnh hưởng, mức độ dễ bị tổn thương, khả năng duy trì cấp nước và khả năng tiếp cận nguồn nước thay thế. Trên cơ sở kết quả xác định, lập danh sách và bản đồ các khu vực có nguy cơ cao để làm căn cứ xác định khu vực ưu tiên cần theo dõi, thiết lập ngưỡng cảnh báo, xây dựng phương án ứng phó, bố trí nguồn lực và tổ chức cấp nước khẩn cấp khi xảy ra thiên tai.

3. Xác định các yếu tố ảnh hưởng

Trên cơ sở kết quả xác định khu vực có nguy cơ cao, thực hiện đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt nông thôn nhằm xác định các hạng mục công trình, công trình, nguồn lực và đối tượng sử dụng nước có khả năng bị ảnh hưởng khi xảy ra thiên tai. Việc đánh giá được thực hiện đối với toàn bộ chuỗi cấp nước, từ nguồn nước, công trình thu, xử lý, dự trữ, mạng lưới truyền dẫn và phân phối đến các hộ sử dụng nước; đồng thời xem xét cả hệ thống cấp nước tập trung và cấp nước HGĐ. Kết quả đánh giá phải làm rõ khả năng duy trì cấp nước, mức độ suy giảm khả năng cấp nước và khả năng phục hồi của từng khu vực, công trình hoặc hệ thống.

3.1. Nguồn nước

Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của nguồn nước đối với từng loại hình thiên tai và điều kiện khai thác thực tế, tập trung xác định khả năng suy giảm lưu lượng, cạn kiệt hoặc hạ thấp mực nước, đặc biệt trong các thời kỳ hạn hán, nắng nóng kéo dài và thiếu hụt dòng chảy. Đối với khu vực ven biển và các nguồn nước có nguy cơ xâm nhập mặn, cần theo dõi diễn biến độ mặn và phạm vi ảnh hưởng để xác định khả năng tiếp tục khai thác, xử lý và sử dụng nguồn nước. Đồng thời, đánh giá nguy cơ ô nhiễm, gia tăng độ đục, bồi lắng hoặc thay đổi chất lượng nguồn nước do lũ lụt, ngập úng, sạt lở, nước chảy tràn và các tác động khác của thiên tai. Đối với mỗi nguồn nước, cần xác định khả năng duy trì khai thác trong điều kiện thiên tai, thời gian dự kiến có thể duy trì cấp nước, khả năng sử dụng nguồn nước thay thế và mức độ ảnh hưởng đến công suất cấp nước của hệ thống.

3.2. Công trình

a) Cấp nước tập trung

Đánh giá khả năng bị hư hỏng, ngập, cô lập hoặc mất khả năng vận hành của các hạng mục chính trong hệ thống cấp nước, bao gồm công trình thu, trạm bơm, nhà máy

hoặc trạm xử lý, bể chứa, đài nước, tuyến đường ống, hệ thống điện và các thiết bị điều khiển, đo lường, tự động hóa. Việc đánh giá phải xác định các công trình, thiết bị nằm trong khu vực có nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở hoặc chịu tác động trực tiếp của các điều kiện thời tiết cực đoan; đồng thời xem xét tình trạng kỹ thuật, mức độ xuống cấp, khả năng dự phòng và khả năng vận hành trong điều kiện mất điện, gián đoạn giao thông hoặc thiếu vật tư, hóa chất và thiết bị thay thế. Trên cơ sở đó, xác định các hạng mục trọng yếu mà khi bị sự cố có thể làm gián đoạn toàn bộ hoặc một phần hoạt động cấp nước, làm cơ sở xây dựng phương án bảo vệ, dự phòng và khắc phục khẩn cấp.

Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của mạng lưới cấp nước thông qua khả năng duy trì công suất, áp lực và phạm vi phục vụ khi xảy ra thiên tai. Nội dung đánh giá bao gồm: Nguy cơ giảm công suất khai thác hoặc xử lý, mất áp lực, vỡ hoặc hư hỏng đường ống, cô lập một phần mạng lưới, không thể vận hành hệ thống hoặc không bảo đảm khả năng cấp nước liên tục đến các khu vực sử dụng nước. Đồng thời, xác định mức độ phụ thuộc của từng khu vực vào một nguồn cấp hoặc một tuyến ống duy nhất, khả năng phân vùng và cô lập sự cố, khả năng cấp nước luân phiên, điều chuyển nước giữa các khu vực và khả năng kết nối với các hệ thống cấp nước lân cận. Đối với các khu vực không có nguồn cấp thay thế hoặc không có khả năng kết nối, điều chuyển nước khi xảy ra sự cố, cần xác định là điểm dễ bị tổn thương cao và ưu tiên xây dựng phương án cấp nước khẩn cấp.

b) Cấp nước HGĐ

Cấp nước HGĐ là đối tượng dễ bị tổn thương nhất và cũng là đối tượng chịu ảnh hưởng đầu tiên khi thiên tai xảy ra. Đối với loại hình thiên tai do hạn hán, xâm nhập mặn chịu tác động trực tiếp là hạng mục khai thác nguồn nước bị ảnh hưởng như mực nước xuống thấp không thể khai thác, thiếu nguồn, nguồn nước nhiễm mặn không đảm bảo khai thác cấp nước sinh hoạt.

Trong trường hợp thiên tai là lũ, ngập lụt; lũ quét sạt lở đất công trình cấp nước HGĐ ảnh hưởng toàn bộ công trình từ hạng mục nguồn khai thác, hệ thống xử lý, hạng mục trữ nước làm mất khả năng vận hành. Lũ, ngập lụt làm ngập nguồn khai thác, hạng mục xử lý, thậm chí cả phần trữ nước dẫn tới gián đoạn cấp nước, mất khả năng cấp nước trong thời gian thiên tai. Trường hợp thiên tai là lũ quét sạt lở đất làm mất toàn bộ công trình mất khả năng cấp nước.

Đối với các khu vực không có nguồn cấp thay thế hoặc không có khả năng kết nối, điều chuyển nước khi xảy ra sự cố, cần xác định là điểm dễ bị tổn thương cao và ưu tiên xây dựng phương án cấp nước khẩn cấp.

3.3. Đối tượng sử dụng nước

Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương của người dân và các đối tượng sử dụng nước trên cơ sở số hộ đang thiếu nước, số hộ có nguy cơ thiếu nước trong thời gian dự báo, mức độ tập trung hoặc phân tán dân cư và khả năng tiếp cận nguồn nước thay thế khi xảy ra thiên tai. Ưu tiên xác định các khu vực có dân cư phân tán, địa bàn bị cô lập do ngập lụt, lũ quét, sạt lở hoặc chia cắt giao thông; các khu vực đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và những nơi phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước nhỏ lẻ, nguồn nước HGĐ. Đối với mỗi khu vực, cần xác định số hộ có khả năng bị ảnh hưởng, mức độ thiếu nước, thời gian dự kiến thiếu nước và khả năng tiếp cận, các hình thức cấp nước thay thế, làm cơ sở xác định thứ tự ưu tiên hỗ trợ, quy mô cấp nước khẩn cấp và nhu cầu về phương tiện, vật tư, thiết bị và nguồn lực.

Kết quả đánh giá các yếu tố dễ bị tổn thương phải được tổng hợp theo từng khu vực, công trình và hệ thống cấp nước, trong đó xác định rõ yếu tố dễ bị tổn thương chủ yếu, mức độ ảnh hưởng dự kiến, khả năng duy trì cấp nước, khả năng sử dụng nguồn thay thế và khả năng phục hồi. Các điểm, khu vực và hạng mục có mức độ dễ bị tổn thương cao phải được đưa vào danh sách trọng điểm theo dõi, cảnh báo và ưu tiên trong phương án ứng phó thiên tai.

4. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro thiên tai được xác định cho từng loại thiên tai và được công bố cùng nội dung bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; làm cơ sở cho việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp ứng phó với thiên tai. Theo lịch sử thiên tai ở địa phương và quy định tại Phụ lục XII Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai được quy định chỉ thị màu như sau: 1. Cấp độ 1 (màu xanh dương nhạt) rủi ro thấp (ảnh hưởng ít, nguy cơ thấp, thời gian rất ngắn); 2. Cấp độ 2 (màu vàng nhạt) rủi ro trung bình (ảnh hưởng cục bộ, có nguy cơ, thời gian ngắn); 3. Cấp độ 3 (màu da cam) rủi ro lớn (ảnh hưởng diện rộng, có nguy cơ cao, thời gian dài); 4. Cấp độ 4 (màu đỏ) rủi ro rất lớn (ảnh hưởng diện rộng, có nguy cơ rất cao, thời gian dài).

IV. HỆ THỐNG THEO DÕI - CẢNH BÁO - ĐÁNH GIÁ - KÍCH HOẠT

Hệ thống theo dõi, cảnh báo, đánh giá và kích hoạt ứng phó thiên tai đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn được thực hiện theo nguyên tắc liên tục, chủ động, dựa trên rủi ro và gắn với khả năng duy trì cấp nước cho người dân**.**

Việc theo dõi không chỉ căn cứ vào cấp độ rủi ro thiên tai mà phải đồng thời xem xét mức độ tác động thực tế hoặc dự kiến đến nguồn nước, công trình cấp nước, hệ thống truyền dẫn - phân phối và khả năng cung cấp nước cho hộ dân**.** Do đó, một thiên tai có cấp độ không cao nhưng gây gián đoạn cấp nước trên diện rộng vẫn phải được xem xét để kích hoạt ứng phó.

Quy trình được thực hiện theo chuỗi:

Theo dõi → Cảnh báo → Đánh giá nhanh → Kích hoạt ứng phó → Tổ chức thực hiện→ Cập nhật và điều chỉnh cấp độ ứng phó.

1. Theo dõi

Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi thường xuyên các thông tin khí tượng, thủy văn, nguồn nước, công trình cấp nước và tình hình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn bao gồm các nội dung sau:

1.1. Diễn biến thiên tai và thời tiết, khí tượng thủy văn

- Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và thiên tai;

- Lượng mưa, cường độ và thời gian mưa;

- Nhiệt độ, nắng nóng;

- Mực nước, lưu lượng các sông, suối;

- Mực nước và dung tích hồ chứa có liên quan đến nguồn cấp nước;

- Diễn biến hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn;

- Mực nước dưới đất tại các khu vực khai thác nước dưới đất;

- Các thông tin dự báo có khả năng ảnh hưởng đến nguồn nước và công trình cấp nước trong 7 ngày tới.

1.2. Nguồn nước

- Lưu lượng hoặc khả năng khai thác nguồn nước;

- Mực nước;

- Độ mặn;

- Độ đục và các dấu hiệu bất thường về chất lượng nguồn nước;

- Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước do lũ, ngập lụt, lũ quét sạt lở đất, xâm nhập mặn, nước thải, sự cố môi trường;

- Khả năng duy trì nguồn nước trong thời gian dự kiến;

- Khả năng khai thác và sử dụng nguồn nước thay thế.

1.3. Công trình cấp nước tập trung và cấp nước HGĐ

a) Cấp nước tập trung

- Tình trạng công trình thu, trạm bơm, nhà máy hoặc trạm xử lý, bể chứa, đường ống truyền tải và mạng lưới phân phối;

- Tình trạng vận hành của thiết bị, máy bơm, van khoá, hệ thống điện và các thiết bị điều khiển liên quan;

- Mức độ hư hỏng, ngập, sạt lở, bồi lấp, chia cắt hoặc cô lập công trình;

- Công suất thiết kế, công suất vận hành thực tế và mức độ suy giảm công suất;

- Khả năng dự trữ nước;

- Khả năng duy trì vận hành trong điều kiện thiên tai;

- Khả năng cấp nước dự phòng, sử dụng nguồn nước thay thế và kết nối, điều chuyển nước từ các hệ thống cấp nước khác.

b) Cấp nước HGĐ

- Khả năng sử dụng nguồn nước (nước mưa; nước mặt, nước dưới đất).

- Tình trạng hoạt động của các công trình (Giếng khoan, giếng đào, bể, lu, bồn chứa, bể lọc…);

- Khả năng duy trì vận hành trong điều kiện thiên tai;

- Khả năng trữ nước và dự trữ nước.

1.4. Dịch vụ cấp nước cho người dân

- Khu vực, thôn/xóm hoặc xã có nguy cơ bị ảnh hưởng;

- Thời gian dự kiến còn duy trì được cấp nước;

- Nhu cầu sử dụng nước tối thiểu và khả năng đáp ứng;

- Các nhóm dân cư hoặc khu vực cần ưu tiên cấp nước.

Cấp nước tập trung:

+ Số hộ dân được cấp nước;

+ Số hộ đang thiếu nước; số hộ bị gián đoạn cấp nước; số hộ có nguy cơ thiếu nước trong 7 ngày tới.

Cấp nước HGĐ:

+ Số hộ dân dùng cấp nước nhỏ lẻ HGĐ;

+ Số hộ đang thiếu nước; số hộ bị gián đoạn cấp nước; số hộ có nguy cơ thiếu nước trong 7 ngày tới.

Thông tin theo dõi được cập nhật theo mức độ rủi ro và diễn biến thiên tai. Trong điều kiện bình thường thực hiện cập nhật định kỳ; khi xuất hiện nguy cơ thiên tai hoặc dấu hiệu suy giảm khả năng cấp nước thì tăng tần suất cập nhật và chuyển sang chế độ theo dõi tăng cường.

2. Cảnh báo

Cảnh báo được thực hiện khi thông tin theo dõi cho thấy thiên tai có khả năng gây ảnh hưởng đến nguồn nước, công trình cấp nước hoặc khả năng cung cấp nước sinh hoạt cho người dân. Cảnh báo được xác định trên cơ sở kết hợp giữa:

- Cấp độ rủi ro thiên tai, dự báo diễn biến, phạm vi và thời gian ảnh hưởng thiên tai;

- Mức độ và xu thế biến động của nguồn nước;

- Mức độ ảnh hưởng hoặc nguy cơ ảnh hưởng đến công trình cấp nước;

- Mức độ suy giảm công suất hoặc khả năng vận hành công trình;

- Thời gian dự kiến xảy ra gián đoạn hoặc thiếu nước;

- Khả năng huy động nguồn nước, công trình hoặc phương thức cấp nước thay thế.

3. Đánh giá nhanh

Khi có cảnh báo thiên tai hoặc phát hiện dấu hiệu bất thường có khả năng ảnh hưởng đến cấp nước, tổ chức đánh giá nhanh tác động theo chuỗi:

** Với cấp nước tập trung:*

Thiên tai → nguồn nước → công trình cấp nước tập trung → công suất → mạng lưới → hộ dân → khả năng duy trì cấp nước → nhu cầu hỗ trợ.

** Với cấp nước HGĐ:*

Thiên tai → nguồn nước → công trình cấp nước HGD → hộ dân → khả năng duy trì cấp nước → nhu cầu hỗ trợ.

Đánh giá nhanh phải tập trung xác định tác động thực tế, nguy cơ trong 7 ngày tới và khả năng kiểm soát của đơn vị cấp nước**,** không chỉ thống kê thiệt hại đã xảy ra.

Nội dung đánh giá gồm:

- *Khu vực bị ảnh hưởng:* Tỉnh, xã, thôn/khu dân cư và phạm vi phục vụ của công trình, số hộ đang bị ảnh hưởng và số hộ có nguy cơ bị ảnh hưởng;

- *Nguồn nước:* Tình trạng nguồn nước, mức suy giảm, ô nhiễm, xâm nhập mặn, cạn kiệt hoặc nguy cơ không bảo đảm khả năng khai thác theo các tình huống thiên tai.

- *Công trình:*

+ Cấp nước tập trung: Số lượng công trình bị ảnh hưởng; hạng mục bị ảnh hưởng; nguyên nhân; mức độ hư hỏng hoặc gián đoạn vận hành. Bao gồm: công suất thiết kế, công suất trước thiên tai, công suất hiện tại và công suất dự kiến có thể duy trì; mức độ ảnh hưởng đến tuyến ống, trạm bơm, điện, giao thông tiếp cận và các hạng mục liên quan.

+ Cấp nước HGĐ: Số lượng, loại hình công trình bị ảnh hưởng.

- *Người dân:* Số hộ được cấp nước bình thường, số hộ bị giảm hoặc gián đoạn cấp nước, số hộ đang thiếu nước và số hộ có nguy cơ thiếu nước trong 7 ngày tới, thời gian tới.

- *Thời gian duy trì cấp nước:* Số ngày hoặc thời gian dự kiến hệ thống còn khả năng cung cấp nước nếu diễn biến thiên tai tiếp tục.

- *Khả năng cấp nước thay thế:* Nguồn nước dự phòng, công trình lân cận, xe/bồn chứa nước, điểm cấp nước công cộng hoặc các giải pháp phù hợp khác.

- *Biện pháp thực hiện:* Điều chỉnh chế độ vận hành, sửa chữa khẩn cấp, sử dụng nguồn dự phòng, điều tiết cấp nước, cấp nước luân phiên hoặc các biện pháp khác.

- *Nhu cầu hỗ trợ:* Nhân lực, vật tư, thiết bị, hóa chất, nhiên liệu, phương tiện, nguồn nước, kinh phí và các hỗ trợ khác.

- *Dự báo diễn biến:* Đánh giá xu thế trong 7 ngày và khi cần thiết 10 - 14 ngày, đặc biệt đối với hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn.

Kết quả đánh giá nhanh phải được cập nhật khi có thông tin mới và là căn cứ để quyết định duy trì theo dõi, tăng cường theo dõi, kích hoạt ứng phó hoặc nâng/hạ mức độ ứng phó.

4. Kích hoạt ứng phó

Các chỉ tiêu và ngưỡng kích hoạt được xây dựng nhằm định lượng mức độ ảnh hưởng của thiên tai đến nguồn nước, công trình, khả năng cấp nước và người sử dụng nước; làm cơ sở thống nhất cho theo dõi, cảnh báo, kích hoạt, nâng cấp hoặc hạ cấp độ ứng phó. Việc đánh giá không căn cứ vào một chỉ tiêu riêng lẻ mà thực hiện theo nguyên tắc kết hợp giữa chỉ báo nguy cơ, mức độ ảnh hưởng thực tế và khả năng duy trì cấp nước. Khi một chỉ tiêu đạt ngưỡng, Chính quyền cấp xã có thể kích hoạt biện pháp ứng phó tương ứng mà không nhất thiết phải chờ các chỉ tiêu khác cùng đạt ngưỡng.

Ngưỡng kích hoạt ứng phó là các điều kiện hoặc dấu hiệu xác định thời điểm cần chuyển từ trạng thái theo dõi, cảnh báo sang triển khai các biện pháp ứng phó nhằm duy trì an toàn và liên tục cấp nước sinh hoạt cho người dân.

Việc xác định ngưỡng kích hoạt được thực hiện trên cơ sở kết hợp cấp độ rủi ro thiên tai, mức độ tác động thực tế hoặc dự báo đối với hệ thống cấp nước và khả năng duy trì cấp nước cho người dân.

Không sử dụng cấp độ rủi ro thiên tai làm căn cứ duy nhất để kích hoạt ứng phó; trường hợp chưa có cấp độ rủi ro thiên tai cao nhưng hệ thống cấp nước đã xuất hiện nguy cơ mất an toàn, suy giảm nghiêm trọng hoặc gián đoạn cấp nước thì vẫn phải xem xét kích hoạt ứng phó.

4.1. Các chỉ tiêu

Ngưỡng kích hoạt ứng phó cấp nước sinh hoạt nông thôn được xác định trên cơ sở một hoặc nhiều chỉ tiêu phản ánh trực tiếp khả năng duy trì cấp nước, bao gồm:

- Nguồn nước suy giảm đến mức ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến khả năng khai thác, cấp nước;

- Mực nước, lưu lượng, trữ lượng hoặc dung tích nguồn nước, hồ chứa giảm xuống dưới mức cần thiết để duy trì cấp nước;

- Độ mặn hoặc các chỉ tiêu chất lượng nguồn nước vượt ngưỡng cho phép khai thác, xử lý hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn nước cấp;

- Công suất cấp nước thực tế giảm so với công suất vận hành bình thường hoặc không đáp ứng nhu cầu cấp nước thiết yếu;

- Công trình, hệ thống phải giảm chế độ vận hành, giảm lưu lượng hoặc thời gian cấp nước; một hoặc nhiều hạng mục quan trọng phải dừng hoạt động;

- Tuyến ống, trạm bơm, nguồn điện hoặc các hạ tầng phục vụ cấp nước bị hư hỏng, ngập, chia cắt hoặc mất khả năng vận hành;

- Số hộ dân bị gián đoạn, thiếu nước hoặc có nguy cơ thiếu nước đạt mức cần triển khai các biện pháp ứng phó theo phương án đã xây dựng;

- Dự báo trong thời gian tới, đặc biệt trong 07 ngày tiếp theo, số hộ có nguy cơ thiếu nước tăng đến mức cần triển khai biện pháp phòng ngừa hoặc cấp nước hỗ trợ;

- Thời gian dự kiến còn khả năng duy trì cấp nước ngắn hơn thời gian cần thiết để khắc phục sự cố hoặc huy động, tổ chức nguồn cấp nước thay thế;

- Nguồn nước hoặc phương thức cấp nước thay thế không còn, không đủ hoặc không thể huy động kịp thời;

- Khả năng cấp nước hiện tại không đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu của người dân tại khu vực bị ảnh hưởng.

4.2. Nguyên tắc xác định mức độ kích hoạt

Mức độ kích hoạt ứng phó được xác định trên cơ sở tổng hợp các chỉ tiêu tại Bảng 3, trong đó ưu tiên các chỉ tiêu phản ánh khả năng thực tế bảo đảm cấp nước cho người dân. Có thể áp dụng nguyên tắc sau:

- *Trạng thái bình thường:* Tất cả các chỉ tiêu nằm trong giới hạn bình thường.

- *Theo dõi tăng cường:* Xuất hiện một hoặc một số chỉ tiêu đạt ngưỡng theo dõi tăng cường.

- *Cảnh báo:* Có ít nhất một chỉ tiêu đạt ngưỡng cảnh báo.

- *Kích hoạt ứng phó:* Có ít nhất một chỉ tiêu đạt ngưỡng kích hoạt ứng phó. Trong trường hợp khẩn cấp: khả năng cấp nước thiết yếu bị đe dọa nghiêm trọng, số hộ ảnh hưởng lớn, cục bộ, bị cô lập; thời gian có khả năng cấp nước ngắn thậm chí không còn khả năng cấp nước; không có nguồn thay thế hoặc vượt khả năng xử lý của cấp đang ứng phó.

5. Tổ chức thực hiện

Việc tổ chức thực hiện trong ứng phó thiên tai đối với lĩnh vực nước sạch nông thôn được thực hiện theo nguyên tắc chỉ huy thống nhất, phân cấp nhiệm vụ từ trung ương đến địa phương và sẽ được phân công cụ thể trong các trường hợp ứng phó trước thiên tai, trong thiên tai và sau thiên tai.

6. Cập nhật và điều chỉnh cấp độ ứng phó

Các chỉ tiêu và ngưỡng kích hoạt cần được rà soát định kỳ và sau mỗi đợt thiên tai lớn theo đặc thù địa bàn, từng vùng. Việc điều chỉnh được thực hiện trên cơ sở số liệu thực tế về diễn biến nguồn nước, mức độ ảnh hưởng công trình, số hộ thiếu nước, thời gian gián đoạn, hiệu quả của các biện pháp ứng phó và khả năng huy động nguồn lực. Các ngưỡng sau khi được xác lập phải được cập nhật vào cơ sở dữ liệu, bản đồ nguy cơ và hệ thống theo dõi, cảnh báo để bảo đảm thống nhất giữa dữ liệu – cảnh báo – kích hoạt ứng phó – báo cáo – chỉ đạo điều hành**.**

Bảng 2: Bảng các chỉ tiêu, định lượng theo ngưỡng kích hoạt ứng phó

TT	Chỉ tiêu	Định lượng
1	**Nguồn nước**	
1.1	***Hạn hán***	
	Bình thường	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng <10% so với TBNN, thời gian không kéo dài.
	Theo dõi tăng cường	Lượng mưa thiếu hụt 10 ÷ 20%, thời gian kéo dài < 1 tháng.
	Cảnh báo	Lượng mưa thiếu hụt 20 ÷ 50%, thời gian kéo dài 1- 2 tháng.
	Kích hoạt ứng phó[1]	Lượng mưa thiếu hụt >50%, thời gian kéo dài > 2 tháng.
1.2	***Xâm nhập mặn***	
	Bình thường	Ranh giới độ mặn <1‰ (1g/l) xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông < 5 km.
	Theo dõi tăng cường	Ranh giới độ mặn <1 ‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông 5-10 km.
	Cảnh báo	Ranh giới độ mặn <1 ‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông 10-15 km.

[1] Theo Bảng 3.

[2] Theo Điều 46 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

[3] Công trình CNTT quy mô lớn: Công suất >5.000 m^3/ngày đêm; quy mô vừa: công suất 1.000-5.000 m^3/ngày đêm; quy mô nhỏ: công suất 100-1.000 m^3/ngày đêm; quy mô rất nhỏ: công suất <100 m^3/ngày đêm.

TT	Chỉ tiêu	Định lượng
	Kích hoạt ứng phó[1]	Ranh giới độ mặn >1 ‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông >15 km.
1.3	***Lũ, ngập lụt***	
	Bình thường	Mực nước lũ trên một lưu vực sông dâng cao[2].
	Theo dõi tăng cường	Mực nước lũ trên một lưu vực sông cao dưới động 1 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1.
	Cảnh báo	Mực nước lũ trên một lưu vực sông cao < báo động 1 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1; Báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1.
	Kích hoạt ứng phó[1]	Mực nước lũ trên một lưu vực sông cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3; từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1.
1.4	***Lũ quét, sạt lở đất***	
	Bình thường	Tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ < 1 ngày[2].
	Theo dõi tăng cường	Tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ > 1 ngày[2].
	Cảnh báo	Tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ < 2 ngày[2].
	Kích hoạt ứng phó[1]	Tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ ≥ 2 ngày[2].
2	**Lưu lượng nguồn nước thiếu hụt so với lượng nước khai thác/nhu cầu bình thường**	
	Bình thường	< 10% nhu cầu
	Theo dõi tăng cường	10% ÷ 30%
	Cảnh báo	>30% ÷50%
	Kích hoạt ứng phó[1]	>50%
3	**Mực nước nguồn (sông, hồ, kênh, rạch) giảm so với mực nước khai thác bình thường**	
	Bình thường	≥ mực nước vận hành bình thường.
	Theo dõi tăng cường	10% ÷ 30%
	Cảnh báo	>30%

TT	Chỉ tiêu	Định lượng
	Kích hoạt ứng phó[1]	Dưới mực nước khai thác tối thiểu hoặc không thể khai thác an toàn.
4	**Dung tích hồ chứa thiếu hụt so với dung tích cần thiết theo phương án cấp nước**	
	Bình thường	≥ dung tích yêu cầu.
	Theo dõi tăng cường	< 10% dung tích yêu cầu.
	Cảnh báo	10%÷50% dung tích yêu cầu.
	Kích hoạt ứng phó	>50% dung tích yêu cầu hoặc không đủ duy trì cấp nước theo thời gian dự kiến.
5	**Mực nước dưới đất giảm so với mực nước khai thác bình thường**	
	Bình thường	≥ mực nước khai thác bình thường.
	Theo dõi tăng cường	0,5 ÷ 1,0m (riêng khu vực Tây Nguyên 3,0 ÷ 5,0m)
	Cảnh báo	>1,0 m (riêng khu vực Tây Nguyên > 5,0m)
	Kích hoạt ứng phó[1]	Dưới mực nước khai thác tối thiểu hoặc giếng không bảo đảm lưu lượng.
II	**Công suất khai thác**[3]	
1	**Công suất thực tế/Công suất bình thường giảm (cho trường hợp công trình quy mô vừa, lớn)**	
	Bình thường	<10%
	Theo dõi tăng cường	10 ÷ 30%
	Cảnh báo	>30% - 50%
	Kích hoạt ứng phó[1]	>50% hoặc mất hoàn toàn khả năng cấp nước.
2	**Số công trình giảm công suất (cho trường hợp công trình quy mô nhỏ, rất nhỏ)**	
	Bình thường	Không đáng kể
	Theo dõi tăng cường	<10% số công trình
	Cảnh báo	10% ÷ 20% số công trình
	Kích hoạt ứng phó[1]	>20% số công trình hoặc ảnh hưởng đến khu vực trọng điểm.
3	**Số công trình dừng hoạt động (cho trường hợp công trình quy mô rất nhỏ)**	
	Bình thường	0 công trình
	Theo dõi tăng cường	<20% số công trình
	Cảnh báo	20% ÷ 40% số công trình

TT	Chỉ tiêu	Định lượng
	Kích hoạt ứng phó[1]	> 40% số công trình hoặc ảnh hưởng đến khu vực trọng điểm.
III	**Số hộ thiếu nước, có nguy cơ thiếu nước và khả năng đáp ứng[4]** [2]	
1	**Số hộ đang thiếu nước so với tổng số hộ dân (quy mô xã)**	
	Bình thường	0 hộ
	Theo dõi tăng cường	<1% tổng số hộ
	Cảnh báo	1% ÷ 5% tổng số hộ
	Kích hoạt ứng phó[1]	>5% tổng số hộ hoặc số lượng lớn theo quy mô địa bàn.
2	**Số hộ có nguy cơ thiếu nước so với tổng số hộ dân (quy mô xã) trong 7 ngày**	
	Bình thường	<1% tổng số hộ
	Theo dõi tăng cường	<5% tổng số hộ
	Cảnh báo	5% ÷ 10% tổng số hộ
	Kích hoạt ứng phó[1]	>10% tổng số hộ hoặc có nguy cơ thiếu nước diện rộng.
3	**Thời gian còn khả năng cấp nước theo nguồn dự trữ hiện có**	
	Bình thường	>14 ngày
	Theo dõi tăng cường	7 ÷ 14 ngày
	Cảnh báo	3 ÷ 7 ngày
	Kích hoạt ứng phó[1]	< 3 ngày hoặc không xác định được khả năng duy trì.

[4] Hộ thiếu nước: Hộ gia đình không có đủ số lượng hoặc chất lượng nước không đảm bảo phục vụ cho nhu cầu ăn uống, sinh hoạt thiết yếu hàng ngày theo tiêu chuẩn quy định.

Bảng 3: Tổng hợp cấp độ rủi ro, phạm vi và phương án ứng phó

Bảng 3 -1: Tổng hợp cấp độ rủi ro, phạm vi và phương án ứng phó do hạn hán

Cấp độ rủi ro	*Thời gian thiếu hụt lượng mưa, nguồn nước mặt trong khu vực*[3]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
1	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ 2 - 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% - 50% so TBNN ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ, 50% - 70% khu vực Bắc Bộ; Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ trên 3 - 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% - 50% so với TBNN ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.	Suy giảm các loại nguồn nước; cạn kiệt nguồn nước dưới đất.	1. Xác định các địa bàn trọng điểm bị ảnh hưởng, vùng cấp nước bị ảnh hưởng; 2. Xác định nguồn nước bị ảnh hưởng để ứng phó với loại hình thiên tai này: Điều tiết nguồn nước, chủ động tích trữ nước. 3. Truyền thông diễn biến hạn hán, sử dụng nước tiết kiệm đúng mục đích.
2	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ 2 - 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với TBNN ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ; Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% - 50% (khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ) 20% - 50% (khu vực Bắc Bộ) so với TBNN. Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với TBNN ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ.	Giảm công suất khai thác cấp nước, không đáp ứng đủ nhu cầu, cấp nước gián đoạn, dừng khai thác.	Thực hiện phương án như Cấp độ rủi ro 1, bổ sung phương án ứng phó: Điều tiết cấp nước ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt. - Cấp nước HGĐ: Thau rửa giếng để tăng lưu lượng khai thác, chủ động tích trữ nước ngọt, tìm nguồn thay thế, sử dụng nước tiết kiệm.
3	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ 2 - 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với TBNN ở các khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ;	Cấp nước nhưng không đáp ứng nhu cầu, gián đoạn cấp nước, dừng cấp	Thực hiện phương án như Cấp độ rủi ro 2, bổ sung phương án ứng phó: - Bổ sung nguồn nước (nếu có thể), lập các trạm bơm dã chiến khai thác nước thô

[3] Theo Điều 48 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

Cấp độ rủi ro	*Thời gian thiếu hụt lượng mưa, nguồn nước mặt trong khu vực[3]*	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài từ trên 3-5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 50- 70% khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ; Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 50% -70% (khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ), 20% -50% (khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ) so với TBNN.	nước, thiếu nước.	từ các công trình thuỷ lợi cho mục đích cấp nước sinh hoạt; - Cấp nước luân phiên.
4	Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với TBNN ở các khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ; Tổng lượng mưa thiếu hụt tháng tháng trên 50% so với TBNN, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với TBNN ở các khu vực Tây Nguyên, Nam Bộ.	Thời gian dài, không huy động được vật tư, nguồn nước bổ sung thay thế, thiếu nhân lực và khả năng xử lý tại chỗ.	Thực hiện phương án như Cấp độ rủi ro 3, bổ sung phương án ứng phó: - Cấp nước tập trung: Điều tiết cấp nước ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt, bổ sung nguồn cung cấp (nếu có thể), lập các trạm bơm dã chiến khai thác triệt để nguồn cung từ sông hồ và các công trình thuỷ lợi sẵn có, cấp nước luân phiên, truyền thông sử dụng nước tiết kiệm đúng mục đích. - Xác định phương tiện, vật tư trang thiết bị, vật tư thiết yếu để huy động phục vụ ứng phó.

Bảng 3 -2: Tổng hợp cấp độ rủi ro, phạm vi và phương án ứng phó do xâm nhập mặn

Cấp độ rủi ro	*Dự báo độ mặn xâm nhập vào vào nhiều cửa sông*[4]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
1	Ranh giới độ mặn 1‰ (1g/l) xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông; Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ.	Suy giảm các loại nguồn nước, độ mặn > 1g/l (1 ‰) .	Căn cứ vào các bản đồ rủi ro thiên tai/lịch sử thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai; nguồn lực ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai: 1. Xác định các địa bàn trọng điểm bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn; số xã thiếu nước, số hộ thiếu nước; 2. Xác định nguồn nước bị ảnh hưởng, khả năng phó với loại hình thiên tai này: Điều tiết cấp nước, bổ sung nguồn nước, truyền thông sử dụng nước tiết kiệm.
2	Ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông; Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ hoặc từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.	Giảm công suất khai thác cấp nước, không đáp ứng đủ nhu cầu, cấp nước gián đoạn, dừng khai thác.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 1, bổ sung một số phương án: - Cấp nước luân phiên; - Ưu tiên sử dụng nguồn nước cho cấp nước sinh hoạt.
3	Ranh giới độ mặn 1‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông trên 90 km tính từ cửa sông; Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ hoặc từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông ở khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ.	Cấp nước nhưng không đáp ứng nhu cầu, gián đoạn cấp nước, dừng cấp nước, thiếu nước.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 2, bổ sung một số phương án: - Lập các trạm bơm dã chiến, khai thác triệt để dung tích dưới mực nước chết của các công trình thuỷ lợi phục vụ cho cấp nước sinh hoạt nông thôn; - Bổ sung nguồn khai thác;

[4] Theo Điều 49 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro	*Dự báo độ mặn xâm nhập vào vào nhiều cửa sông[4]*	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
			- Sử dụng các trạm cấp nước RO sẵn có để giảm độ mặn tới mức sử dụng được, lắp đặt thêm các trạm mới (trong điều kiện có thể).
4	Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 50 km đến 90 km tính từ cửa sông ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; Ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông tới hơn 90 km tính từ cửa sông. Đối với những khu vực ven biển có thời gian xảy ra tình trạng xâm nhập mặn thường xuyên trong năm hoặc có trên 2/3 diện tích bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, việc ban hành cấp độ rủi ro sẽ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tỉnh liên quan phối hợp xác định.	Cấp nước nhưng không đáp ứng nhu cầu, gián đoạn cấp nước, dừng cấp nước, thiếu nước. Thời gian dài, nguồn nước bổ sung thay thế không có, không đủ khả năng xử lý tại chỗ.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 3, bổ sung một số phương án: - Cấp nước tập trung: Điều tiết cấp nước ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt, bổ sung nguồn khai thác (dẫn nguồn từ vùng không nhiễm mặn về xử lý, dùng xà lan chuyên chở nước thô từ nơi khác đến), lập các trạm bơm dã chiến khai thác triệt để nguồn cung từ sông hồ và các công trình thuỷ lợi sẵn có, vận hành các trạm cấp nước dùng công nghệ RO lọc nước lợ cấp nước cho ăn uống, truyền thông sử dụng nước tiết kiệm đúng mục đích. - Cấp nước HGĐ: Thau rửa giếng để tăng lưu lượng khai thác, chủ động tích trữ nước ngọt, tìm nguồn thay thế, thiết lập các điểm cấp nước tập trung cho vùng bị thiếu nước nghiêm trọng, sử dụng nước tiết kiệm. - Xác định phương tiện, vật tư trang thiết bị, vật tư thiết yếu để huy động phục vụ ứng phó.

Bảng 3-3: Tổng hợp cấp độ rủi ro, phạm vi và phương án ứng phó do lũ và ngập lụt

Cấp độ rủi ro	*Dự báo mực nước lũ dâng cao từ báo động 1*[5]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
1	Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông; Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên một lưu vực sông.	Ngập công trình thu nước, chất lượng nước nguồn không đạt chuẩn khai thác tế, tập trung tại các khu vực: ven sông, bãi sông; trũng thấp; hạ lưu hồ chứa.	Căn cứ vào các bản đồ rủi ro thiên tai, lịch sử thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai; nguồn lực ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai: 1. Xác định các khu vực trọng điểm bị ảnh hưởng của lũ và ngập lụt; Số hộ trong vùng ngập lũ và bị ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt; xác định các hộ bị ảnh hưởng trước thiên tai (Báo cáo theo phụ lục 2). 2. Xác định các các phương tiện dự kiến phục vụ cấp nước (Báo cáo theo phụ lục 3). 3. Xác định phương tiện, vật tư trang thiết bị huy động phục vụ vật tư thiết yếu (Báo cáo
2	Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4 trên một lưu vực sông; Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên một lưu vực sông; Mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2 trên một lưu vực sông; Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm	Ngập công trình hoặc một số hạng mục công trình, mất điện, tập trung tại các khu vực: ven sông, bãi sông; trũng thấp; hạ lưu hồ chứa.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 1 thêm một số phương án: - Phương án đảm bảo an toàn cấp nước sinh hoạt. - Phương án ứng phó đối với khu vực ngập lũ, ngập lụt; - Phương án ứng phó với các công trình cấp nước khi xảy ra sự cố (ngập công trình, công trình đầu nguồn không khai thác do mưa lũ, chất lượng nước nguồn không đảm bảo; - Cấp phát hoá chất xử lý nước tại chỗ cho

[5] Theo Điều 45 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

Cấp độ rủi ro	*Dự báo mực nước lũ dâng cao từ báo động 1*[5]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
	thủy văn thuộc khu vực 2, khu vực 3 trên nhiều lưu vực sông.		khu vực bị ngập lụt, như: Aquatabs, CloraminB…
3	Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 0,3 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4; Mực nước lũ cao từ báo động 3 trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3; Mực nước lũ cao từ báo động 3 cộng 1,0 m trở lên tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1, khu vực 2; Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 3 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 hoặc mực nước lũ cao từ báo động 3 đến dưới báo động 3 cộng 1,0 m tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 trên nhiều lưu vực sông.	Một số hộ bị gián đoạn cấp nước, thiếu nước, tập trung tại: khu vực ven sông, bãi sông; khu vực trũng thấp; khu vực hạ lưu hồ chứa và hoạt động sinh hoạt.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 2 thêm một số phương án: - Phương án ứng phó với các công trình cấp nước khi xảy ra sự cố dài ngày, nhiều công trình bị ngập, mất khả năng cấp nước.
4	Mực nước lũ cao từ báo động 3 cộng 0,3 m đến lũ lịch sử tại các trạm thủy văn thuộc khu vực 4.	Mất khả năng ứng phó, tập trung tại các khu vực: Ven sông, bãi sông; trũng thấp; hạ lưu hồ chứa.	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 3, bổ sung một số phương án: - Phương án đảm bảo cấp nước cho khu vực bị ngập lụt, cô lập, khu vực chia cắt; - Phương án ứng phó với các công trình cấp nước khi xảy ra sự cố. - Phục hồi cấp nước sau thiên tai.
Ghi chú: Khu vực các trạm thuỷ văn theo Phụ lục XIII Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.			

Bảng 3- 4: Tổng hợp cấp độ rủi ro, phạm vi và phương án ứng phó do lũ quét, sạt lở đất

Cấp độ rủi ro	*Tổng lượng mưa và thời gian xảy ra mưa*[6]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
1	Tổng lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 - 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1; vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 2; vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; vùng có nguy cơ cao đến rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4; Tổng lượng mưa từ trên 200 - 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4; Tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 4.	Khả năng cấp nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế, tập trung tại: - Vùng xảy ra mưa lớn; Khu vực miền núi nơi đã có mưa nhiều ngày, đất đai đạt đến độ bảo hòa; - Khu vực dân cư ven đồi núi, sông suối; Khu dân cư ở các khu đồi trọc, hạ lưu các sông suối,…	Căn cứ vào các bản đồ rủi ro thiên tai, lịch sử thiên tai, năng lực ứng phó thiên tai; nguồn lực ứng phó theo các cấp độ rủi ro thiên tai: 1. Xác định các khu vực trọng điểm bị ảnh hưởng của mưa lớn; xác định các trọng điểm có nguy cơ cao bị lũ quét và sạt lở đất (Báo cáo theo phụ lục 2). 2. Xác định đối tượng bị ảnh hưởng: Hộ dân trong khu vực bị ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất (Báo cáo theo phụ lục 2). 3. Xác định các địa điểm mới cho dân khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ quét (Báo cáo theo phụ lục 2). 4. Lập phương án bảo vệ công trình cấp nước tập trung và nhỏ lẻ quy mô HGĐ, cấp nước khẩn cấp trong trường hợp bị lũ quét, sạt lở đất vùi lấp; hỗ trợ dân khắc phục hậu quả sau thiên tai. 5. Xác định các lực lượng huy động dự kiến (Báo cáo theo phụ lục 3). 6. Xác định các các phương tiện để

[6] *Theo Điều 46* Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

Cấp độ rủi ro	*Tổng lượng mưa và thời gian xảy ra mưa*[6]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
			xử lý khắc phục (Báo cáo theo phụ lục 3).
2	Tổng lượng mưa từ 100 - 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; Tổng lượng mưa từ trên 200 - 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4; Tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ thấp hoặc trung bình thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ trung bình hoặc cao thuộc các tình trong khu vực 3; tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 4.	Khả năng cấp nước sinh hoạt/nhu cầu thực tế, tập trung tại: - Vùng xảy ra mưa lớn; Vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất - Khu vực miền núi nơi đã có mưa nhiều ngày, đất đai đạt đến độ bảo hòa; - Khu vực dân cư, ven đồi núi, sông suối; - Khu dân cư ở các khu đồi trọc, hạ lưu các sông suối,…	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 1 thêm một số phương án: - Có phương án bảo vệ công trình, cấp nước cho vùng bị lũ quét sạt lở đất.
3	Tổng lượng mưa từ 100- 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; Tổng lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3;	Tập trung tại: - Vùng xảy ra mưa lớn; - Vùng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất; - Khu vực miền núi, thường lưu sông suối đã có mưa nhiều ngày, đất đai đạt đến độ bảo hòa; - Khu vực dân cư, nhà cửa	Ứng phó như Cấp độ rủi ro 2 thêm một số phương án: - Có phương án cấp nước khẩn cấp cho vùng bị cô lập, thiếu nước dài ngày. - Phục hồi cấp nước sau thiên tai.

Cấp độ rủi ro	*Tổng lượng mưa và thời gian xảy ra mưa*[6]	*Phạm vi ảnh hưởng*	*Phương án ứng phó*
	Tổng lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại vùng có nguy cơ cao hoặc rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 1 và khu vực 2; tại vùng có nguy cơ rất cao thuộc các tỉnh trong khu vực 3.	ven đồi núi, sông suối; - Khu dân cư, nhà cửa ở các khu đồi trọc, hạ lưu các sông suối,…	

Ghi chú: Khu vực các trạm khí tượng như sau:

Khu vực 1: Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Phú Thọ (Hoà Bình cũ), Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang (Hà Giang cũ)

Khu vực 2: Tuyên Quang (cũ), Bắc Kạn, Lang Sơn, Cao Bằng (cũ), Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Ngãi (cũ),

Khu vực 3: Phú Thọ (cũ), Thái Nguyên (cũ), Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp Huế, Tp Đà Nẵng, Khánh Hoà (cũ), Kon Tum (cũ), Gia Lai (cũ), Đắk, Lắk (cũ), Đắk Nông (cũ), Lâm Đồng (cũ).

Khu vực 4: Vĩnh Phúc (cũ), Bắc Giang (cũ), Hải Phòng, Bình Định (cũ), Phú Yên (cũ), Khánh Hoà, Ninh Thuận (cũ), Bình Thuận (cũ).

V. CHUẨN BỊ ỨNG PHÓ TRƯỚC THIÊN TAI

Công tác chuẩn bị ứng phó trước thiên tai được thực hiện thường xuyên, chủ động và theo phương châm phòng ngừa là chính, trên cơ sở kết quả nhận diện nguy cơ, đánh giá mức độ dễ bị tổn thương và hệ thống theo dõi, cảnh báo tại các Mục III và Mục IV của Quy trình. Việc chuẩn bị nhằm bảo vệ nguồn nước, công trình, duy trì cấp nước an toàn, liên tục và sẵn sàng triển khai cấp nước thay thế, cấp nước khẩn cấp khi cần thiết.

1. Cấp Trung ương

1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phối hợp theo dõi chặt chẽ diễn biến, dự báo, cảnh báo và cấp độ rủi ro thiên tai; đánh giá sơ bộ phạm vi, mức độ và khả năng ảnh hưởng đến nguồn nước, công trình cấp nước và hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn, đặc biệt đối với các khu vực đã được xác định có nguy cơ cao.

1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Hỗ trợ hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp dự báo diễn biến nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai đến cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Tham mưu nội dung công tác nước sạch nông thôn trong các văn bản chỉ đạo của Cục, cấp trên về ứng phó với thiên tai.

2. Địa phương

2.1. Cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác ứng phó thiên tai đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn theo thẩm quyền và phương án ứng phó thiên tai của địa phương. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối tham mưu cho UBND cấp tỉnh, các nội dung sau:

- Theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị cấp nước triển khai phương án ứng phó. Xác định các khu vực có nguy cơ xảy ra thiếu nước, gián đoạn cấp nước và mất an toàn cấp nước. Điều phối nguồn nước, phương tiện, vật tư và các nguồn lực cần thiết trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

- Chuẩn bị phương án tổ chức hoặc chỉ đạo tổ chức cấp nước khẩn cấp cho khu vực bị ảnh hưởng trong trường hợp được đánh giá ở mức khẩn cấp;

- Đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình và đề xuất hỗ trợ khi nguồn lực hoặc khả năng ứng phó của địa phương không đáp ứng yêu cầu và khi tình huống được đánh giá vượt khả năng xử lý của địa phương, đề xuất cơ quan cấp trên hỗ trợ, đồng thời tiếp tục tổ chức các biện pháp chuẩn bị ứng phó tại chỗ;

- Giao đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, hiện trạng, dự báo, nhận định về khả năng cấp nước gửi Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi.

2.2. Cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổ chức nắm bắt tình hình cấp nước tại khu dân cư và phối hợp chuẩn bị triển khai kích hoạt các biện pháp ứng phó:

- Nắm bắt tình hình nguồn nước và khả năng cấp nước tại từng khu dân cư. Xác định, cập nhật số hộ, số người có nguy cơ thiếu nước, mất nước hoặc có nguy cơ thiếu nước. Phân loại các khu vực cần ưu tiên hỗ trợ, đặc biệt là khu vực có khả năng bị cô lập;

- Xây dựng phương án tổ chức ứng phó, cấp nước khẩn cấp trong kế hoạch phòng thủ dân sự:

+ Bố trí điểm cấp nước, phương tiện vận chuyển và phân phối nước khi thiên tai dự báo đạt ngưỡng cấp nước trong tình huống khẩn cấp;

+ Thông báo kịp thời cho người dân về lịch cấp nước, lịch dừng cấp nước, tình hình cấp nước, điểm cấp nước tập trung và các yêu cầu bảo đảm an toàn sử dụng nước;

+ Chuẩn bị huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ để hỗ trợ xử lý các tình huống trong phạm vi khả năng;

+ Báo cáo, cung cấp thông tin, hiện trạng, dự báo, nhận định về khả năng cấp nước về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

* Đơn vị cấp nước

Đơn vị cấp nước là lực lượng trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn vận hành công trình và duy trì cấp nước trong điều kiện thiên tai. Tổ chức ứng trực, theo dõi và vận hành công trình theo phương án ứng phó đã được phê duyệt như:

- Chủ động phát hiện, đánh giá và báo cáo các sự cố liên quan đến nguồn nước, công trình, thiết bị, điện, đường ống và chất lượng nước;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ người, công trình, nguồn nước và thiết bị theo thứ tự ưu tiên an toàn;

- Chủ động điều chỉnh chế độ khai thác, xử lý, phân phối và cấp nước phù hợp với khả năng diễn biến thiên tai và nguồn nước;

- Chuẩn bị thực hiện các phương án ứng phó của đơn vị khi UBND xã kích hoạt phương án ứng phó;

- Thực hiện cấp nước thay thế, cấp nước luân phiên hoặc cấp nước khẩn cấp khi cần thiết;

- Chuẩn bị bố trí nhân lực, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện và nguồn điện dự phòng phục vụ ứng phó. Cập nhật và báo cáo kịp thời tình trạng công trình, khả năng cấp nước, số hộ nguy cơ bị ảnh hưởng, các biện pháp đã thực hiện và nhu cầu hỗ trợ;

- Phối hợp chuẩn bị phương án bảo vệ nguồn nước, công trình và hệ thống cấp nước. Sử dụng nước tiết kiệm, ưu tiên các nhu cầu thiết yếu trong thời gian xảy ra thiếu nước. Không tự ý sử dụng nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm, nhiễm mặn hoặc không bảo đảm an toàn.

* Cộng đồng và HGĐ sử dụng nước chủ động, phối hợp:

- Theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai và hướng dẫn của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước;

- Dự trữ nước an toàn phù hợp với điều kiện thực tế và sử dụng nước tiết kiệm, ưu tiên các nhu cầu thiết yếu;

- Cung cấp thông tin cho UBND cấp xã, đơn vị cấp nước khi phát hiện thiếu nước, mất nước, ô nhiễm nguồn nước hoặc sự cố công trình.

VI. ỨNG PHÓ TRONG THỜI GIAN THIÊN TAI

Khi thiên tai xảy ra hoặc có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước, công trình, hệ thống cấp nước và người sử dụng nước, các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức ứng phó theo mức độ ảnh hưởng đã được xác định tại Mục IV; chủ động thực hiện các biện pháp trong phạm vi trách nhiệm, bảo đảm an toàn cho người, công trình và nguồn nước, duy trì tối đa khả năng cấp nước sinh hoạt an toàn và chuyển sang cấp nước khẩn cấp hoặc phục hồi khi đáp ứng các điều kiện quy định.

Trong quá trình ứng phó, tiếp tục thực hiện theo dõi, cảnh báo, đánh giá và cập nhật thông tin theo Mục IV; các nội dung chuẩn bị tại Mục V được chuyển sang trạng thái thực hiện và điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế.

1. Cấp Trung ương

1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Điều phối và huy động nguồn lực ở cấp Trung ương theo thẩm quyền; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phối hợp theo dõi, đánh giá và hỗ trợ ứng phó đối với các tình huống ảnh hưởng rộng hoặc vượt khả năng ứng phó của địa phương khi có kiến nghị từ địa phương;

Đối với các tình huống vượt thẩm quyền, Bộ sẽ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo và quyết định các giải pháp hỗ trợ theo quy định.

1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Theo dõi, tổng hợp tình hình ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt nông thôn; hướng dẫn, phối hợp hỗ trợ kỹ thuật, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

Tổng hợp tình hình, tham mưu nội dung công tác nước sạch nông thôn trong các văn bản chỉ đạo của Cục, cấp trên về ứng phó với thiên tai.

2. Cấp địa phương

2.1. Cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo, điều hành công tác ứng phó thiên tai đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn theo thẩm quyền và phương án ứng phó thiên tai của địa phương. Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối chuyên môn theo dõi, tổng hợp tình hình cấp nước; hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã và đơn vị cấp nước; kịp thời tham mưu UBND cấp tỉnh điều phối nguồn nước, phương tiện, vật tư, thiết bị, nhân lực và các nguồn lực ứng phó thiên tai:

- Tổng hợp các khu vực có nguy cơ xảy ra thiếu nước, gián đoạn cấp nước và mất an toàn cấp nước. Điều phối nguồn nước, phương tiện, vật tư và các nguồn lực cần thiết trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

- Tổ chức hoặc chỉ đạo tổ chức cấp nước khẩn cấp cho khu vực bị ảnh hưởng trong trường hợp được đánh giá ở mức khẩn cấp;

- Tổng hợp, báo cáo tình hình thiên tai và đề xuất hỗ trợ khi nguồn lực hoặc khả năng ứng phó của địa phương không đáp ứng yêu cầu và khi thiên tai vượt khả năng xử lý của địa phương, tỉnh chủ động báo cáo, đề xuất cơ quan cấp trên hỗ trợ, đồng thời tiếp tục tổ chức các biện pháp ứng phó tại chỗ;

- Giao đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, hiện trạng cấp nước, mức độ ảnh hưởng đến cấp nước gửi Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi.

2.2. Cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổ chức nắm bắt tình hình cấp nước tại khu dân cư và phối hợp, trực tiếp triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó.

Thống kê, kiểm tra và cập nhật thông tin về tình hình cấp nước trên địa bàn; tập trung theo dõi các khu vực bị cô lập, chia cắt, thiếu nước, mất nước hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng; kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trong khi xảy ra thiên tai hoặc phát hiện sự cố về cấp nước do thiên tai UBND cấp xã chỉ đạo các trưởng thôn, đơn vị cấp nước đánh giá nhanh ảnh hưởng của thiên tai:

- Nắm bắt tình hình nguồn nước và khả năng cấp nước tại từng khu dân cư. Xác định, cập nhật số hộ thiếu nước, mất nước. Phân loại các khu vực cần ưu tiên hỗ trợ, đặc biệt là khu vực có bị cô lập;

- Kích hoạt phương án ứng phó khi thiên tai đạt ngưỡng quy định;

- Tổ chức ứng phó, cấp nước khẩn cấp, bố trí điểm cấp nước, phương tiện vận chuyển và phân phối nước khi thiên tai đạt ngưỡng cấp nước trong tình huống khẩn cấp;

- Thông báo kịp thời cho người dân về tình hình cấp nước, lịch cấp nước, lịch dừng cấp nước, điểm cấp nước tập trung và các yêu cầu bảo đảm an toàn sử dụng nước. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ để hỗ trợ xử lý các tình huống trong phạm vi khả năng;

- Báo cáo cung cấp thông tin, hiện trạng cấp nước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Nội dung đánh giá thực hiện theo Mục IV, tập trung xác định:

Đối với cấp nước tập trung, đánh giá theo chuỗi:

Thiên tai → nguồn nước → công trình → công suất thực tế → mạng lưới → hộ dân bị ảnh hưởng → khả năng duy trì cấp nước → phương án thay thế.

Đối với cấp nước HGĐ, đánh giá theo chuỗi:

Thiên tai → nguồn nước → công trình cấp nước HGĐ → khả năng sử dụng nguồn nước → hộ dân bị ảnh hưởng → khả năng cấp nước thay thế.

Trong đó tập trung thống kê:

+ Phạm vi, thời gian và mức độ ảnh hưởng của thiên tai;

+ Tình trạng và khả năng khai thác nguồn nước, chất lượng nguồn nước;

+ Tình trạng công trình, hệ thống điện, thiết bị, tuyến ống và mạng lưới;

+ Công suất vận hành thực tế và khả năng duy trì cấp nước;

+ Số hộ đang được cấp nước bình thường, số hộ bị gián đoạn hoặc thiếu nước và số hộ có nguy cơ thiếu nước trong 7 ngày;

+ Thời gian dự kiến còn duy trì được cấp nước an toàn;

+ Khả năng cấp nước thay thế, nguồn lực hiện có và nhu cầu hỗ trợ.

Kết quả đánh giá phải xác định được mức độ ảnh hưởng hiện tại, xu thế trong thời gian tới, khả năng duy trì cấp nước và nhu cầu hỗ trợ để làm căn cứ điều chỉnh biện pháp ứng phó.

* Đơn vị cấp nước

Đơn vị cấp nước là lực lượng trực tiếp chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn vận hành công trình và duy trì cấp nước trong điều kiện thiên tai và thực hiện chỉ đạo của UBND cấp xã trong phòng chống thiên tai:

- Chủ động phát hiện, đánh giá và báo cáo sự cố liên quan đến nguồn nước, công trình, thiết bị, điện, đường ống và chất lượng nước;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ người, công trình, nguồn nước và thiết bị theo thứ tự ưu tiên an toàn;

- Chủ động điều chỉnh chế độ vận hành, điều tiết nguồn nước, sử dụng công suất và nguồn dự phòng, cấp nước theo khu vực hoặc luân phiên nhằm duy trì tối đa khả năng cấp nước an toàn, cấp nước phù hợp với diễn biến thiên tai và khả năng nguồn nước;

- Khi phải giảm lưu lượng, dừng cấp nước hoặc cấp nước luân phiên, đơn vị cấp nước phối hợp với UBND cấp xã thông báo cho người sử dụng nước thông tin về khu vực, thời gian, phương thức cấp nước và yêu cầu sử dụng nước an toàn;

- Thực hiện các phương án ứng phó của đơn vị khi UBND cấp xã kích phương án ứng phó;

- Huy động nhân lực, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện và nguồn điện dự phòng phục vụ ứng phó. Cập nhật và báo cáo kịp thời tình trạng công trình, khả năng cấp nước, số hộ bị ảnh hưởng, các biện pháp đã thực hiện và nhu cầu hỗ trợ;

- Thực hiện phương án bảo vệ nguồn nước, công trình và hệ thống mạng lưới cấp nước;

- Khi hệ thống hiện hữu không còn khả năng duy trì cấp nước an toàn, thực hiện cấp nước theo Mục VI hoặc cấp nước khẩn cấp theo Mục VII;

- Việc lựa chọn nguồn nước, phương tiện vận chuyển, bồn chứa, điểm cấp nước hoặc hình thức khác phải căn cứ số người, số hộ, nhu cầu thiết yếu, thời gian thiếu nước, khả năng tiếp cận, yêu cầu an toàn nước và nguồn lực thực tế.

* Cộng đồng và HGĐ sử dụng nước chủ động, phối hợp:

- Theo dõi tình hình thực tế, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai và hướng dẫn của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước;

- Dự trữ nước an toàn phù hợp với điều kiện thực tế và sử dụng nước tiết kiệm, ưu tiên các nhu cầu thiết yếu; thực hiện xử lý, khử trùng và bảo quản nước theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

- Cung cấp thông tin cho UBND cấp xã, đơn vị cấp nước khi phát hiện thiếu nước, mất nước, ô nhiễm nguồn nước hoặc sự cố công trình.

- Tiếp nhận và sử dụng nước tại các điểm cấp nước khẩn cấp theo hướng dẫn.

3. Thông tin, báo cáo và điều chỉnh biện pháp ứng phó

Trong suốt thời gian ứng phó, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và cập nhật dữ liệu theo Mục IX.

Khi có thay đổi đáng kể về tình hình thiên tai hoặc cấp nước, đơn vị cấp nước và UBND cấp xã phải kịp thời cập nhật:

- Phạm vi và mức độ ảnh hưởng;
- Tình trạng và chất lượng nguồn nước;
- Tình trạng công trình, hệ thống điện và mạng lưới đường ống;
- Công suất vận hành thực tế và khả năng duy trì cấp nước;
- Số hộ đang thiếu nước hoặc bị gián đoạn;
- Số hộ có nguy cơ thiếu nước trong 7 ngày;
- Thời gian dự kiến còn duy trì được cấp nước;
- Tình hình cấp nước luân phiên, thay thế hoặc khẩn cấp;
- Nguồn lực đã huy động, nguồn lực còn thiếu và nhu cầu hỗ trợ.

Khi phạm vi ảnh hưởng mở rộng, số hộ bị ảnh hưởng tăng, khả năng duy trì cấp nước giảm, nguồn nước không bảo đảm an toàn hoặc nguồn lực tại chỗ không đáp ứng yêu cầu, Sở NN&MT và UBND cấp tỉnh, theo thẩm quyền, điều chỉnh mức độ ứng phó và huy động bổ sung nguồn lực.

Khi tình hình được kiểm soát, nguồn nước và công trình bảo đảm an toàn, khả năng cấp nước được khôi phục ổn định, các biện pháp ứng phó được thu hẹp từng bước và chuyển sang phục hồi.

VII. ỨNG PHÓ TRONG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Khi thiên tai gây mất, gián đoạn hoặc suy giảm nghiêm trọng khả năng cấp nước an toàn, các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức cấp nước khẩn cấp theo mức độ ảnh hưởng đã xác định tại Mục IV, bảo đảm ưu tiên nhu cầu thiết yếu, an toàn nguồn nước và sức khỏe người sử dụng. Việc cấp nước khẩn cấp được thực hiện đồng thời với các biện pháp khắc phục, phục hồi theo Mục VIII và được điều chỉnh theo diễn biến thực tế.

1. Cấp Trung ương

1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Điều phối và huy động nguồn lực ở cấp Trung ương theo thẩm quyền đối với các tình huống khẩn cấp về cấp nước sinh hoạt nông thôn có phạm vi ảnh hưởng rộng, liên tỉnh hoặc vượt khả năng ứng phó của địa phương khi có kiến nghị từ địa phương;

Khi cần thiết, Bộ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp đánh giá tình hình, xác định nhu cầu hỗ trợ và tổ chức các biện pháp hỗ trợ theo thẩm quyền; phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan để bảo đảm nguồn lực phục vụ cấp nước khẩn cấp;

Đối với các tình huống vượt thẩm quyền, Bộ sẽ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo và quyết định các giải pháp hỗ trợ theo quy định.

1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Đầu mối theo dõi, tổng hợp ảnh hưởng cấp nước sinh hoạt nông thôn; hỗ trợ cung cấp thông tin trong tình huống khẩn cấp, nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp theo đề nghị của các địa phương và các giải pháp kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

Tổng hợp tình hình, tham mưu nội dung công tác nước sạch nông thôn trong các văn bản chỉ đạo của Cục, cấp trên về ứng phó với thiên tai;

Đối với tình huống vượt khả năng ứng phó của địa phương hoặc có ảnh hưởng trên diện rộng, Cục tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp với địa phương, các cơ quan liên quan đánh giá tình hình và tham mưu Bộ phương án điều phối, hỗ trợ.

2. Cấp địa phương

2.1. Cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác cấp nước khẩn cấp trên địa bàn theo thẩm quyền và phương án ứng phó thiên tai của địa phương.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình thiếu nước, mất nước, gián đoạn cấp nước và nguy cơ mất an toàn cấp nước trên địa bàn;

- Xác định phạm vi, mức độ ảnh hưởng, số hộ, số người bị ảnh hưởng, thời gian dự kiến thiếu nước và nhu cầu cấp nước khẩn cấp;

- Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước triển khai các biện pháp cấp nước khẩn cấp theo phương án và thẩm quyền;

- Tổ chức hoặc chỉ đạo tổ chức cấp nước khẩn cấp cho các khu vực bị ảnh hưởng; điều phối nguồn nước, phương tiện, vật tư, thiết bị và các nguồn lực cần thiết trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

- Ưu tiên hỗ trợ các khu vực mất hoàn toàn nguồn nước an toàn, khu vực bị cô lập, khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe và các nhóm dân cư dễ bị tổn thương;

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện và nhu cầu hỗ trợ; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Khi tình huống vượt khả năng xử lý của địa phương, chủ động báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ, đồng thời tiếp tục tổ chức các biện pháp cấp nước khẩn cấp tại chỗ, không chờ hỗ trợ mới triển khai các biện pháp cần thiết.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị đầu mối thực hiện việc cung cấp thông tin, hiện trạng, nhận định về khả năng cấp nước và nhu cầu hỗ trợ gửi Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

2.2. Cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tổ chức nắm bắt nhu cầu cấp nước tại địa bàn và phối hợp, trực tiếp triển khai các biện pháp cấp nước khẩn cấp:

- Nắm bắt tình hình cấp nước tại từng khu dân cư; xác định, cập nhật số hộ, số người mất nước, thiếu nước hoặc có nguy cơ thiếu nước; xác định các khu vực cần ưu tiên hỗ trợ;

- Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành xác định phạm vi, thời gian và nhu cầu cấp nước khẩn cấp;

- Tổ chức hoặc phối hợp bố trí điểm cấp nước, phương tiện vận chuyển, bồn chứa và các điều kiện cần thiết tại địa bàn theo khả năng và thẩm quyền;

- Hỗ trợ tiếp cận khu vực bị cô lập, bảo đảm an ninh, trật tự và điều kiện cần thiết cho việc vận chuyển, phân phối nước khẩn cấp;

- Thông báo kịp thời cho người dân về tình hình cấp nước, lịch cấp nước, điểm cấp nước, phương thức phân phối và yêu cầu bảo đảm an toàn sử dụng nước;

- Huy động lực lượng, phương tiện và nguồn lực tại chỗ trong phạm vi thẩm quyền để tổ chức triển khai, hỗ trợ cấp nước khẩn cấp;

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, số hộ và số người được cấp nước, còn thiếu nước, nhu cầu hỗ trợ và các khó khăn, vướng mắc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Báo cáo kịp thời khi tình hình vượt khả năng xử lý tại địa bàn.

** Đơn vị cấp nước*

Đơn vị cấp nước là lực lượng trực tiếp tổ chức vận hành, điều chỉnh hệ thống và thực hiện các giải pháp cấp nước khẩn cấp:

- Chủ động phát hiện, đánh giá và xử lý ngay các sự cố ảnh hưởng đến nguồn nước, công trình, thiết bị, điện, đường ống và chất lượng nước; thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết trong phạm vi trách nhiệm, không phụ thuộc vào việc UBND cấp xã có kích hoạt phương án hay không;

- Ưu tiên bảo đảm an toàn cho người, nguồn nước, công trình và thiết bị; cô lập các khu vực, hạng mục hoặc nguồn nước không bảo đảm an toàn;

- Điều chỉnh chế độ khai thác, xử lý, phân phối và cấp nước phù hợp với khả năng nguồn nước và tình trạng công trình;

- Thực hiện cấp nước luân phiên, điều chỉnh vùng cấp nước, kết nối nguồn thay thế hoặc các giải pháp kỹ thuật khác để duy trì tối đa khả năng cấp nước an toàn;

- Tổ chức cấp nước khẩn cấp bằng bồn chứa, xe vận chuyển nước, điểm cấp nước hoặc hình thức phù hợp khác khi khả năng cấp nước thông thường không đáp ứng nhu cầu thiết yếu;

- Bảo đảm nguồn nước cấp khẩn cấp đáp ứng yêu cầu an toàn; kiểm soát vệ sinh đối với phương tiện, bồn chứa, thiết bị và điểm cấp nước; thực hiện kiểm tra, xử lý chất lượng nước theo quy định và hướng dẫn chuyên môn;

- Bố trí nhân lực, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện và nguồn điện dự phòng trong phạm vi khả năng; chủ động đề xuất hỗ trợ khi nguồn lực không đáp ứng yêu cầu;

- Cập nhật số hộ bị ảnh hưởng, số hộ được cấp nước, sản lượng hoặc lượng nước cấp, thời gian cấp nước, nguồn nước sử dụng và nhu cầu hỗ trợ;

- Báo cáo kịp thời UBND cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan theo quy định về tình trạng công trình, khả năng cấp nước, biện pháp đã thực hiện và nhu cầu hỗ trợ.

** Cộng đồng và hộ gia đình sử dụng nước chủ động, phối hợp:*

- Tiếp nhận và thực hiện thông tin, hướng dẫn về cấp nước khẩn cấp và an toàn sử dụng nước;

- Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản và sử dụng nước được cấp khẩn cấp tại các điểm cấp nước theo hướng dẫn.

- Bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước; sử dụng nguồn nước an toàn, tiết kiệm, ưu tiên nhu cầu thiết yếu; thực hiện xử lý, khử trùng và bảo quản nước theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn;

- Cung cấp thông tin cho UBND cấp xã, đơn vị cấp nước khi phát hiện thiếu nước, mất nước, ô nhiễm nguồn nước hoặc sự cố công trình.

VIII. PHỤC HỒI VÀ KHẮC PHỤC SAU THIÊN TAI

Phục hồi và khắc phục được thực hiện ngay khi điều kiện an toàn cho phép và có thể tiến hành đồng thời với cấp nước khẩn cấp quy định tại Mục VII. Mục tiêu là khôi phục nhanh khả năng cấp nước an toàn, giảm thời gian gián đoạn, khắc phục thiệt hại và giảm nguy cơ tái diễn. Việc chuyển từ cấp nước khẩn cấp sang cấp nước bình thường phải căn cứ tình trạng thực tế của nguồn nước, công trình, hệ thống và chất lượng nước.

1. Cấp Trung ương

1.1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Điều phối và xem xét hỗ trợ phục hồi đối với các tình huống thiên tai gây thiệt hại lớn, trên diện rộng hoặc vượt khả năng xử lý của địa phương theo thẩm quyền khi có kiến nghị từ địa phương.

Khi cần thiết, Bộ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp đánh giá tình hình, xác định nhu cầu hỗ trợ và tổ chức các biện pháp hỗ trợ theo thẩm quyền; phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan để bảo đảm nguồn lực phục vụ cấp nước khẩn cấp;

Đối với các tình huống vượt thẩm quyền, Bộ sẽ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo và quyết định các giải pháp hỗ trợ theo quy định.

1.2. Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi

Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình thiệt hại và kết quả phục hồi cấp nước sinh hoạt nông thôn; hướng dẫn, đôn đốc địa phương thực hiện phục hồi sau thiên tai theo thẩm quyền.

Đối với tình huống vượt khả năng xử lý của địa phương hoặc có ảnh hưởng trên diện rộng, Cục tổng hợp nhu cầu hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ đánh giá tình hình và tham mưu Bộ phương án điều phối, hỗ trợ.

2. Cấp địa phương

2.1. Cấp tỉnh

UBND cấp tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác phục hồi cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn; quyết định hoặc điều phối việc huy động nguồn lực theo thẩm quyền đối với các công trình, khu vực bị thiệt hại lớn hoặc vượt khả năng khắc phục tại chỗ, trong đó chỉ đạo ưu tiên phục hồi đối với khu vực mất nước hoàn toàn, không có nguồn thay thế, khu vực có nhiều người thiếu nước, khu vực có nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe và các cơ sở thiết yếu như cơ sở y tế, trường học.

Trường hợp nhu cầu phục hồi vượt khả năng của địa phương, UBND cấp tỉnh tổng hợp, đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối tham mưu UBND cấp tỉnh trong công tác phục hồi và khắc phục:

- Theo dõi, tổng hợp và đánh giá thiệt hại, phạm vi và mức độ ảnh hưởng đến cấp nước sinh hoạt nông thôn;

- Tổng hợp nhu cầu sửa chữa, khắc phục, nguồn lực và thời gian dự kiến phục hồi của các đơn vị;

- Hướng dẫn, đôn đốc đơn vị quản lý, vận hành và UBND cấp xã thực hiện phục hồi, kiểm tra an toàn và khôi phục cấp nước;

- Tổng hợp các trường hợp vượt khả năng xử lý tại chỗ, tham mưu UBND tỉnh điều phối, hỗ trợ hoặc đề nghị cấp trên hỗ trợ;

- Tổng hợp kết quả phục hồi, đánh giá sau thiên tai và cập nhật thông tin, dữ liệu theo quy định.

2.2. Cấp xã

UBND cấp xã là đầu mối tổ chức phối hợp phục hồi cấp nước trên địa bàn:

- Phối hợp xác định phạm vi, số hộ chưa được cấp nước và các khu vực cần ưu tiên phục hồi;

- Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành xác định điều kiện tiếp cận công trình, nhu cầu hỗ trợ và khả năng khắc phục tại chỗ;

- Hỗ trợ sửa chữa, phục hồi công trình cấp nước HGĐ theo khả năng của địa phương;

- Hỗ trợ bảo đảm an ninh, an toàn, mặt bằng, giao thông, nhân lực và các điều kiện cần thiết để sửa chữa, phục hồi công trình theo khả năng của địa phương;

- Phối hợp duy trì các điểm cấp nước tạm thời, cấp nước thay thế hoặc cấp nước luân phiên trong thời gian chưa thể khôi phục hoàn toàn;

- Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước thông báo cho người dân về phạm vi, thời gian và phương thức khôi phục cấp nước;

- Tiếp nhận phản ánh của người dân, tổng hợp tình hình và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Đối với các khu vực bị ngập lụt, sạt lở, ô nhiễm nguồn nước hoặc có nguy cơ mất an toàn, UBND xã phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành tổ chức thông tin, cảnh báo và không để người dân sử dụng nguồn nước chưa được xác định an toàn. UBND xã thông báo phạm vi, thời gian và phương thức khôi phục cấp nước.

Trường hợp công trình do UBND cấp xã quản lý, giao cộng đồng/thôn vận hành không có nguồn thu, kinh phí thực hiện vệ sinh, khử trùng và kiểm tra chất lượng nước xem xét bố trí từ Ngân sách địa phương (cấp xã) và các nguồn hợp pháp khác. Trường hợp chưa bảo đảm điều kiện an toàn và chất lượng nước thì tiếp tục thực hiện phương án cấp nước thay thế hoặc cấp nước khẩn cấp.

* *Đơn vị cấp nước*

Trực tiếp tổ chức khắc phục và phục hồi khả năng cấp nước trong phạm vi quản lý;

Đánh giá thiệt hại và lập phương án khôi phục. Ngay khi điều kiện tiếp cận cho phép, đơn vị kiểm tra, đánh giá:

- Nguồn nước và khả năng khai thác;

- Công trình thu, trạm bơm, công trình xử lý, bể chứa và công trình phụ trợ;

- Máy bơm, thiết bị điện, điều khiển và thiết bị xử lý;

- Tuyến ống, mạng lưới và điểm cấp nước;

- Nguồn điện và điện dự phòng;

- Chất lượng nguồn nước và nguy cơ ô nhiễm;

- Công suất còn lại, phạm vi và số hộ bị ảnh hưởng;

- Vật tư, thiết bị, nhân lực và thời gian cần thiết để khôi phục.

Kết quả đánh giá phải xác định rõ **hạng mục bị ảnh hưởng – mức độ – nguyên nhân – biện pháp khắc phục – nguồn lực – thời gian dự kiến khôi phục**.

Trên cơ sở đó, đơn vị lập hoặc cập nhật phương án khôi phục và tổ chức thực hiện theo thứ tự ưu tiên, phù hợp tình trạng thực tế.

Đối với cấp nước tập trung, việc khôi phục về nguyên tắc theo chuỗi:

Nguồn nước → công trình thu, trạm bơm → xử lý → bể chứa/truyền tải → mạng lưới → điểm cấp nước/hộ dân.

Đối với cấp nước HGĐ:

Nguồn nước → công trình cấp nước → thiết bị xử lý, chứa nước → hộ dân.

Khắc phục và duy trì cấp nước trong thời gian phục hồi:

- Đơn vị quản lý, vận hành tổ chức sửa chữa, thay thế hoặc khôi phục các hạng mục bị hư hỏng; đồng thời tiếp tục duy trì cấp nước thay thế hoặc luân phiên khi chưa thể khôi phục hoàn toàn;

- Hạng mục mất an toàn phải được cô lập trước khi sửa chữa hoặc đưa trở lại vận hành;

- Trường hợp hư hỏng vượt khả năng xử lý, đơn vị kịp thời báo cáo UBND xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn, hỗ trợ hoặc tổng hợp nhu cầu hỗ trợ theo thẩm quyền.

Kiểm tra an toàn trước khi cấp nước trở lại. Trước khi khôi phục cấp nước, đơn vị cấp nước kiểm tra:

- An toàn nguồn nước và khả năng khai thác;

- An toàn công trình, thiết bị, hệ thống điện, máy bơm và điều khiển;

- Tình trạng đường ống, van, bể chứa và mạng lưới;

- Nguy cơ xâm nhập nước bẩn, bùn đất, hóa chất hoặc nguồn ô nhiễm;

- Chất lượng nước theo quy định áp dụng;

- Vệ sinh, súc xả, khử trùng và các biện pháp xử lý cần thiết;

- Khả năng vận hành thử và duy trì ổn định.

Chỉ khôi phục cấp nước bình thường khi nguồn nước, công trình, hệ thống và chất lượng nước đáp ứng yêu cầu áp dụng.

Đối với khu vực bị ngập lụt, lũ quét, sạt lở, xâm nhập mặn hoặc ô nhiễm nguồn nước, phải kiểm tra theo từng khu vực, từng hạng mục; không khôi phục cấp nước chỉ vì công trình đã được sửa chữa.

** Cộng đồng và HGĐ sử dụng nước chủ động, phối hợp:*

- Thực hiện vệ sinh, súc rửa, khử trùng và các biện pháp xử lý nước theo hướng dẫn chuyên môn trước khi sử dụng lại khi cần thiết;

- Tiếp tục sử dụng nước tiết kiệm, an toàn và thực hiện các biện pháp cấp nước thay thế trong thời gian chưa khôi phục hoàn toàn;

- Cung cấp thông tin cho UBND xã hoặc đơn vị quản lý, vận hành về tình trạng nguồn nước, thiếu nước, chất lượng nước và các nguy cơ mất an toàn.

3. Đánh giá sau thiên tai, cập nhật dữ liệu và tăng cường khả năng chống chịu

Sau khi hoàn thành phục hồi ảnh hưởng của thiên tai đến công tác nước sinh hoạt nông thôn, các cấp và đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức đánh giá kết quả, tập trung vào nguyên nhân và diễn biến thiên tai; phạm vi, mức độ thiệt hại; thời gian gián đoạn; số hộ, số người bị ảnh hưởng; kết quả cấp nước khẩn cấp; thời gian và nguồn lực phục hồi; hiệu quả phối hợp, thông tin, báo cáo; các điểm yếu và nguy cơ có thể tái diễn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp kết quả chung trên địa bàn tỉnh. UBND xã, đơn vị quản lý, vận hành cập nhật các thông tin về nguồn nước, công trình, thiệt hại, số hộ bị ảnh hưởng, thời gian thiếu nước, thời gian phục hồi, nguồn lực đã sử dụng và các điểm xung yếu mới phát hiện.

Đối với khu vực bị ảnh hưởng lặp lại hoặc có nguy cơ cao, cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét các giải pháp giảm nguy cơ tái diễn như bổ sung nguồn dự phòng, tăng khả năng trữ nước, gia cố công trình, bảo vệ nguồn nước, tăng cường nguồn điện dự phòng và điều chỉnh phương án vận hành.

Kết quả đánh giá và dữ liệu sau thiên tai được sử dụng để rà soát, cập nhật Mục III, Mục IV, Mục V, phương án ứng phó và phương án cấp nước khẩn cấp cho các tình huống tiếp theo.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

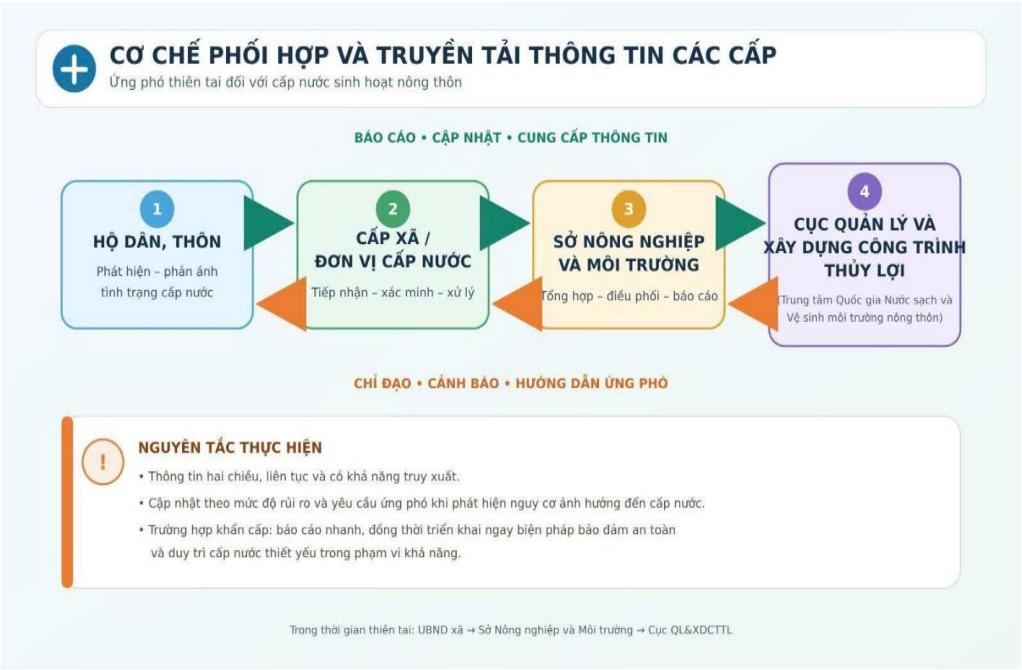
1. Tổ chức thực hiện

Việc tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm trong ứng phó thiên tai đối với lĩnh vực nước sạch nông thôn được thực hiện theo nguyên tắc chỉ huy thống nhất, phân cấp rõ trách nhiệm, phối hợp liên thông, xử lý tại chỗ và huy động nguồn lực phù hợp với mức độ ảnh hưởng đã được nêu cụ thể tại Mục V, VI, VII, VIII. Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng chỉ đạo, điều phối và kiểm tra; cơ quan chuyên môn thực hiện tham mưu, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật; đơn vị cấp nước chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức vận hành, duy trì cấp nước và khắc phục sự cố; chính quyền cơ sở tổ chức nắm bắt nhu cầu và hỗ trợ người dân tại địa bàn; cộng đồng dân cư, hộ dùng nước theo dõi thông tin, cảnh báo về thiên tai và hướng dẫn của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và đơn vị cấp nước.

2. Cơ chế phối hợp và truyền tải thông tin các cấp

- Thông tin ứng phó thiên tai đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn được thực hiện

theo nguyên tắc hai chiều, liên tục và có khả năng truy xuất:



- Trong thời gian thiên tai UBND xã báo cáo, cung cấp thông tin đến Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin đến Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;

- Khi phát hiện tình huống có khả năng ảnh hưởng đến cấp nước, thông tin phải được cập nhật theo mức độ rủi ro và yêu cầu ứng phó; trường hợp khẩn cấp phải thực hiện báo cáo nhanh, đồng thời triển khai ngay các biện pháp bảo đảm an toàn và cấp nước thiết yếu trong phạm vi khả năng.

3. Nguyên tắc nâng cấp độ ứng phó và kết thúc ứng phó

- Mức độ tổ chức ứng phó được điều chỉnh theo diễn biến thực tế của thiên tai và mức độ ảnh hưởng đến cấp nước. Khi phạm vi ảnh hưởng hoặc mức độ thiếu nước tăng lên, cơ quan có thẩm quyền phải kịp thời nâng mức ứng phó và huy động nguồn lực tương ứng;

- Khi tình hình được kiểm soát, nguồn nước và công trình được bảo đảm an toàn, khả năng cấp nước được phục hồi và không còn nguy cơ thiếu nước ở mức phải duy trì ứng phó, cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ giai đoạn ứng phó sang khôi phục và theo dõi sau thiên tai;

- Việc kết thúc ứng phó phải gắn với đánh giá thiệt hại, hiệu quả các biện pháp đã thực hiện, thời gian khôi phục cấp nước, nhu cầu hỗ trợ còn lại và các vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh trong phương án ứng phó cho các lần tiếp theo.

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ QUY TRÌNH



PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO NHANH VỀ TÌNH HÌNH THIẾU NƯỚC SINH HOẠT DO THIÊN TAI

Tỉnh/thành phố:……..

TT	Xã (1)	Loại hình thiên tai (2)	Tổng số hộ (4)	Số hộ thiếu nước					Giải pháp địa phương đã triển khai (10)	Đề xuất hỗ trợ (11)
				Tổng số hộ (5)	Từ công trình cấp nước tập trung		Từ cấp nước HGĐ			
					Số hộ (6)	Nguyên nhân (7)	Số hộ (8)	Nguyên nhân (9)		
1										
2										
...										

Hướng dẫn cung cấp thông tin:

(5), (6), (8) Số hộ thiếu nước: Là số hộ thiếu nước sinh hoạt tại thời điểm báo cáo.

(7), (9) Nguyên nhân gây ra thiếu nước:

- Từ công trình cấp nước tập trung, như: thiếu nguồn, giảm công suất, hư hỏng,…
- Từ cấp nước HGĐ, như: cạn kiệt nguồn nước, nhiễm mặn, nhiễm bẩn, ngập lụt, hư hỏng,…

(10) Giải pháp địa phương đã triển khai, như:

- Điều tiết nguồn nước, cấp nước luân phiên, chở nước đến các điểm thiếu…
- Cấp nước miễn phí: mở các vòi nước công cộng miễn phí, cấp bình nước miễn phí,…
- Tuyên truyền

……

PHỤ LỤC 2: ĐÁNH GIÁ NHANH ẢNH HƯỞNG THIÊN TAI ĐẾN CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

Cơ quan/đơn vị báo cáo: .....

Tỉnh/thành phố: .....

Xã: ....

Công trình/hệ thống cấp nước: ....

.....

Thời gian xảy ra thiên tai: .....

Thời gian báo cáo: .....

.....

Người báo cáo: .... Điện thoại: ..

.....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ THIÊN TAI

Nội dung	***Thông tin***
Loại hình thiên tai	□ Hạn hán/thiếu nước □ Xâm nhập mặn □ Lũ/ngập lụt □ Lũ quét □ Sạt lở □ Khác: .....
Thời điểm bắt đầu ảnh hưởng	.....ngày/tháng/năm
Phạm vi ảnh hưởng	..... tỉnh/xã/thôn
Mức độ thiên tai/ảnh hưởng theo đánh giá tại địa phương	..... nặng/trung bình/nhẹ
Tình trạng hiện tại	□ Đang diễn biến □ Đã giảm □ Đã kết thúc
Có nguy cơ tiếp tục ảnh hưởng đến cấp nước không?	□ Không □ Có, mức độ: .....
Các khu vực trọng điểm bị ảnh hưởng của thiên tai	…….. xã/thôn, cụ thể:
Số hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai/tổng số dân toàn xã	…….. hộ/…..hộ
Số hộ bị thiếu nước	……. hộ (CTCN TT: …hộ; cấp nước HGĐ:… hộ)
Khu vực cần cấp nước khẩn cấp	..... khu vực, cụ thể:
Địa điểm mới cho khu vực lũ quét, sạt lở đất	Xã/thôn
Số hộ cần hỗ trợ	..... hộ
Hình thức hỗ trợ	Thiết bị, vật tư...
Thời gian dự kiến cần cấp nước	từ ngày... đến ngày...
Nhu cầu nước dự kiến	..... m^3/ngày

II. ĐÁNH GIÁ NHANH ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN NƯỚC

Nội dung	*Trạng thái trước thiên tai*	*Tình trạng hiện tại*	*Mức độ ảnh hưởng*
Lưu lượng/ mực nước	.....	.....	□ Không □ Giảm nhẹ □ Giảm mạnh
Chất lượng nguồn nước	.....	.....	□ Không □ Có bất thường □ Không sử dụng được
Độ mặn (nếu có)	.....	.....	□ Không □ Tăng □ Vượt ngưỡng vận hành
Khả năng khai thác nguồn	.....	.....	□ Bình thường □ Giảm □ Không khai thác được

Nguyên nhân ảnh hưởng đến nguồn nước:

□ Cạn kiệt/suy giảm nguồn
□ Ngập, lũ, bùn đất
□ Sạt lở
□ Ô nhiễm
□ Xâm nhập mặn
□ Bồi lắng, đục nước
□ Mất điện/không vận hành được thiết bị khai thác
□ Khác: .....

III. ĐÁNH GIÁ NHANH ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TRÌNH, THIẾT BỊ VÀ MẠNG LƯỚI

Hạng mục	*Tình trạng*	*Mức độ ảnh hưởng*	*Khả năng vận hành*
Cấp nước tập trung			
Công trình thu	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Trạm bơm	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Hệ thống xử lý	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Bể chứa	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Máy bơm/thiết bị	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Hệ thống điện	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng

Đường ống truyền tải	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Mạng lưới phân phối	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Cấp nước HGĐ:			
Nguồn nước: Giếng khoan, giếng đào, khe mó…	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Hệ thống xử lý: bể lọc cát, thiết bị lọc…	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng
Bể chứa	.....	□ Nhẹ □ Vừa □ Nặng	□ Bình thường □ Giảm □ Dừng

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ VÀ NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ THIÊN TAI CHO CẤP NƯỚC SINH HOẠT NÔNG THÔN

1. Tên địa phương (xã/tỉnh):…….

2. Thời gian rà soát/cập nhật: Ngày tháng năm……..

3. Bảng danh mục vật tư, thiết bị dự phòng khẩn cấp về nước sạch

TT	*Tên vật tư, thiết bị*	*Quy cách/Thông số kỹ thuật*	*Đơn vị tính*	*Số lượng hiện có*	*Số lượng cần bổ sung*	*Vị trí lưu hàng*	*Ghi chú*
I	**Thiết bị, vật tư cấp nước trong tình trạng khẩn cấp cho người dân**						
1	Nước uống trực tiếp	Thể tích 500mL, 1L, 20L	Chai/bình			Điểm tập kết xã	
2	Thiết bị lọc nước đơn giản không dùng điện (ví dụ: thiết bị lọc gốm)	Thể tích: l Tốc độ lọc …l/h	Thiết bị			Điểm tập kết xã	
3	Bồn/Túi chứa nước	Thể tích 1.000l - 5.000l	Cái			Điểm tập kết xã	
4	Gói dụng cụ Nước sạch, vệ sinh (xô, gáo mục nước, bình đựng nước, xà phòng,…)	…mặt hàng, chất liệu	gói			Điểm tập kết xã	

TT	*Tên vật tư, thiết bị*	*Quy cách/Thông số kỹ thuật*	*Đơn vị tính*	*Số lượng hiện có*	*Số lượng cần bổ sung*	*Vị trí lưu hàng*	*Ghi chú*
5	Xe bồn chở nước sinh hoạt	Dung tích ... m3	Chiếc			Đội xe cơ giới	
6	Xà lan, tàu thuyền chở nước ngọt	Dung tích ... m3	Chiếc			Đội xe cơ giới	
7	Thiết bị lọc nước RO di động	Công suất (m^3/ngày)	Thiết bị			Đội cấp nước lưu động	
8	Thiết bị khác...						
II	**Vật tư, hóa chất xử lý nước**						
1	Hóa chất khử trùng (Cloramin B / Aquatabs)	…. hàm lượng chuẩn	kg/viên			Kho hóa chất chính	
2	Chất keo tụ/Phèn chua	PAC công nghiệp	kg			Kho vật tư	
III	**Thiết bị và máy bơm dự phòng cho Công trình cấp nước tập trung**						
1	Máy bơm nước di động công suất lớn	Q = ... m3/h, H = ... m	Cái			Trạm bơm chính	
2	Máy phát điện dự phòng	Công suất ... kVA	Cái			Nhà điều hành	
3	Ống nhựa mềm/cứng dẫn nước các kích cỡ	Đường kính D = ... mm	mét			Kho	
4	Van, vòi, khóa, cút nối…các loại	D = ... mm	Cái			Kho	

2. **Phương án cấp nước khẩn cấp**

Hình thức	*Có/Không*	*Quy mô/khả năng*
Xe vận chuyển nước	□ Có □ Không	..... xe; ..... m^3/ngày
Bồn/túi chứa nước lưu động/nước uống trực tiếp các loại...	□ Có □ Không	..... cái; ..... m^3
Điểm cấp nước tập trung	□ Có □ Không	..... điểm
Đấu nối với hệ thống lân cận	□ Có □ Không	..... m^3/ngày
Nguồn nước thay thế	□ Có □ Không	.....
Thiết bị xử lý nước lưu động	□ Có □ Không	.....
Thiết bị xử lý nước HGĐ	□ Có □ Không	.....
Hình thức khác	□ Có □ Không	.....

3. Nguồn lực con người và hậu cần (Theo phương châm "4 tại chỗ")

3.1. Lực lượng chỉ huy và thực hiện tại chỗ:

- Tổng số cán bộ, công nhân túc trực: ……. người.

- Danh sách đội phản ứng nhanh, hỗ trợ khẩn cấp:

STT	*Họ và tên*	*Chức vụ*	*Số điện thoại (liên hệ trực 24/7)*

3.2. Nguồn lực hỗ trợ từ địa phương:

- Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã (Dân quân tự vệ, Đoàn thanh niên): …… người.
- Phương tiện huy động ngoài (xe tải, máy xúc, xe cẩu): ……. xe tải; …máy xúc,…. xe cẩu,…….. (Loại phương tiện, số lượng).

3.3. Nguồn kinh phí dự phòng ứng phó khẩn cấp:

Ngân sách dự phòng hoặc quỹ phòng chống thiên tai cấp đơn vị/địa phương phân bổ: ……...VNĐ;

Nguồn tiền:……..

……, ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP	**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)